

Số: 3969 /QĐ-NHNN

Hà Nội, ngày 23 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng thực hiện tại Bộ phận một cửa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

THÔNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và các văn bản sửa đổi, bổ sung Nghị định này; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 48/2025/TT-NHNN ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Thông tư trong lĩnh vực quản lý, giám sát ngân hàng liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, thay đổi cơ cấu, tổ chức bộ máy;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng và Chánh Văn phòng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng quy định tại Thông tư số 48/2025/TT-NHNN ngày 16 tháng 12 năm 2025 thực hiện tại Bộ phận Một cửa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 01 năm 2026.

Quyết định này sửa đổi, bổ sung nội dung thủ tục hành chính có mã 2.001316 và 1.003151 được công bố tại Quyết định số 2916a/QĐ-NHNN ngày 02 tháng 8 năm 2025; thủ tục hành chính có mã 1.009183 được công bố tại Quyết định số 160/QĐ-NHNN ngày 24 tháng 01 năm 2025; thủ tục hành chính có mã 1.001911 được công bố tại Quyết định số 3137/QĐ-NHNN ngày 12 tháng 9 năm 2025; thủ tục hành chính có mã 1.001244, 1.001256, 1.002281 được công bố tại Quyết định số 83/QĐ-NHNN ngày 21 tháng 01 năm 2015.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. ./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thống đốc NHNN (để b/c);
- PTĐ Phạm Tiến Dũng;
- Cục KSTTHC - VPCP (để phối hợp);
- Lưu: VP, VP2.TP.Thảo, ATHT1.ĐT.Thủy.



Phạm Tiến Dũng

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG THUỘC PHẠM VI
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3969 /QĐ-NHNN ngày 23 tháng 12 năm 2025
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

**1. Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thực hiện tại Ngân
hàng Nhà nước Việt Nam**

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Đơn vị thực hiện
1	2.001316	Thủ tục chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của tổ chức tín dụng	Thông tư số 48/2025/TT-NHNN ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Thông tư trong lĩnh vực quản lý, giám sát ngân hàng liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, thay đổi cơ cấu, tổ chức bộ máy (Thông tư số 48/2025/TT-NHNN)	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
2	1.001244	Thủ tục nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần dẫn đến mức sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên của một tổ chức tín dụng Việt Nam	Thông tư số 48/2025/TT-NHNN	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
3	1.001256	Thủ tục nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần dẫn đến mức sở hữu từ 10% vốn điều	Thông tư số 48/2025/TT-NHNN	Thành lập và hoạt động ngân	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

		lệ trở lên của một tổ chức tín dụng Việt Nam		hàng	
4	1.002281	Thủ tục nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần và trở thành nhà đầu tư chiến lược nước ngoài của tổ chức tín dụng Việt Nam	Thông tư số 48/2025/TT-NHNN	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

2. Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thực hiện tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng Nhà nước Khu vực

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định	Lĩnh vực	Đơn vị thực hiện
1	1.009183	Thủ tục thu hồi Giấy phép đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại điểm d khoản 1 Điều 1 Thông tư 63/2024/TT-NHNN	Thông tư số 48/2025/TT-NHNN	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng); Ngân hàng Nhà nước Khu vực
2	1.003151	Thủ tục chấp thuận dự kiến nhân sự bổ nhiệm Tổng giám đốc (Giám đốc) của chi nhánh ngân hàng nước ngoài	Thông tư số 48/2025/TT-NHNN	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng); Ngân hàng Nhà nước Khu vực

3. Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thực hiện tại Ngân hàng Nhà nước Khu vực

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định	Lĩnh vực	Đơn vị thực hiện
-----	---------------	----------	---------------------	----------	------------------

1	1.001911	Thủ tục thu hồi Giấy phép của văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng	Thông tư số 48/2025/TT-NHNN	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Ngân hàng Nhà nước Khu vực
---	----------	--	-----------------------------	----------------------------------	----------------------------

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

A. Thủ tục hành chính thực hiện tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

1. Thủ tục chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng (mã TTHC: 2.001316)

- Trình tự thực hiện

+ **Bước 1:** Ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng lập 01 bộ hồ sơ theo quy định gửi Ngân hàng Nhà nước.

+ **Bước 2:** Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng bổ sung hồ sơ.

+ **Bước 3:** Ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn tối đa 45 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ. Quá thời hạn này, ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng phải nộp lại bộ hồ sơ theo quy định để Ngân hàng Nhà nước xem xét, chấp thuận.

+ **Bước 4:** Trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận dự kiến nhân sự của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng (Trường hợp không chấp thuận, văn bản trả lời ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng phải nêu rõ lý do).

- Cách thức thực hiện

- + Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước;
- + Gửi qua dịch vụ bưu chính;
- + Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Thành phần hồ sơ

1. Văn bản của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự do người đại diện theo pháp luật ký.

Trường hợp ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng khuyết người đại diện theo pháp luật, văn bản đề nghị của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng là văn bản của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên do Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên ký.

Trường hợp người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho người khác ký hoặc trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác, thành viên Hội đồng thành viên khác ký hoặc trường hợp người đại diện có thẩm quyền của Chủ sở hữu ủy quyền cho người khác ký thì việc ủy quyền thực hiện theo quy định của pháp luật và hồ sơ phải có văn bản ủy quyền được lập phù hợp với quy định của pháp luật;

Đối với ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên khuyết người đại diện theo pháp luật, không có Chủ tịch Hội đồng thành viên và Hội đồng thành viên của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng không đủ số lượng thành viên tối thiểu hoặc còn 01 thành viên, văn bản đề nghị chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng phải do người đại diện có thẩm quyền của Chủ sở hữu ký.

Văn bản đề nghị tối thiểu phải có các nội dung sau:

- a) Lý do của việc bầu, bổ nhiệm nhân sự;
- b) Danh sách dự kiến nhân sự, trong đó nêu rõ: họ và tên, chức danh, đơn vị công tác hiện tại; chức danh dự kiến được bầu, bổ nhiệm tại ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng; tên cá nhân, tổ chức đề cử; tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp mà nhân sự dự kiến làm người đại diện theo ủy quyền của tổ chức đề cử (nếu có);
- c) Cơ cấu, danh sách các thành viên của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát hiện tại và dự kiến sau khi bầu, bổ nhiệm của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng (trường hợp dự kiến nhân sự bầu, bổ nhiệm vào Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát), trong đó:
 - (i) Đối với ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng là công ty cổ phần: nêu rõ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, số lượng thành viên độc lập, thành viên không phải là người điều hành, số lượng thành viên là người có liên quan với nhau, số lượng thành viên Ban kiểm soát;
 - (ii) Đối với ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng là công ty trách nhiệm hữu hạn: nêu rõ số lượng thành viên Hội đồng thành viên, số lượng thành viên Ban kiểm soát;
- d) Đánh giá về việc nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm đảm bảo đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng, trong đó đánh giá cụ thể việc đáp ứng đối với từng điều kiện;
- đ) Cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng.

2. Văn bản thông qua danh sách dự kiến nhân sự của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng (đối với Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát phải nêu rõ nhiệm kỳ), cụ thể:

- a) Đối với ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng là công ty cổ phần: Nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- b) Đối với ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên: Văn bản của Chủ sở hữu hoặc của người đại diện có thẩm quyền của Chủ sở hữu;
- c) Đối với ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên:

(i) Trường hợp dự kiến bổ nhiệm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát: Văn bản của người đại diện có thẩm quyền của các thành viên góp vốn;

(ii) Trường hợp dự kiến bổ nhiệm Tổng Giám đốc (Giám đốc): Nghị quyết của Hội đồng thành viên.

3. Lý lịch cá nhân của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm theo mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 20/2025/TT-NHNN ngày 31/7/2025.

4. Phiếu lý lịch tư pháp của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm:

a) Đối với nhân sự dự kiến có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp, trong đó phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa) và thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã;

b) Đối với nhân sự dự kiến không có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã) phải được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp theo quy định. Trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã thì chủ sở hữu (đối với ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên), thành viên góp vốn (đối với ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên), cổ đông, nhóm cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (đối với ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng là công ty cổ phần) đề cử nhân sự dự kiến phải có văn bản giải trình về việc không có cơ quan có thẩm quyền của nước cấp lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương cung cấp thông tin này và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc nhân sự dự kiến không thuộc các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng;

c) Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương quy định tại điểm a, b khoản 4 Điều 7 Thông tư số 20/2025/TT-NHNN ngày 31/7/2025 phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự không quá 06 tháng.

Nhân sự dự kiến được xuất trình Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID hoặc nộp Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử theo quy định của pháp luật.

5. Bản kê khai người có liên quan theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm theo mẫu Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 20/2025/TT-NHNN ngày 31/7/2025.

6. Bản sao các văn bằng, chứng chỉ chứng minh trình độ chuyên môn của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm, trong đó văn bằng của người có quốc tịch Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận theo quy định của pháp luật có liên quan.

7. Các tài liệu chứng minh việc đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện đối với nhân sự dự kiến giữ chức danh thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 41 Luật Các tổ chức tín dụng, cụ thể:

a) Đối với điều kiện “có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng”: Văn bản của người đại diện có thẩm quyền của tổ chức tín dụng nơi nhân sự dự kiến đã hoặc đang làm việc xác nhận chức vụ và thời gian đảm nhiệm chức vụ (trong đó có nội dung xác nhận nhân sự là người quản lý, người điều hành) của nhân sự dự kiến hoặc bản sao văn bản chứng minh chức vụ và thời gian đảm nhiệm chức vụ tại tổ chức tín dụng của nhân sự dự kiến.

b) Đối với điều kiện “có ít nhất 05 năm là người quản lý doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng”:

(i) Nội dung Điều lệ của doanh nghiệp quy định về người quản lý hoặc quy định nội bộ của doanh nghiệp trường hợp nội dung Điều lệ không quy định về người quản lý;

(ii) Đối với trường hợp là doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng: Bản sao báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập của doanh nghiệp nơi nhân sự dự kiến đã hoặc đang là người quản lý. Trường hợp doanh nghiệp không thuộc đối tượng phải thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính hằng năm thì phải cung cấp báo cáo tài chính đã nộp cho cơ quan thuế theo quy định của pháp luật;

(iii) Văn bản của người đại diện có thẩm quyền của đơn vị nơi nhân sự dự kiến đã hoặc đang làm việc xác nhận chức vụ (trong đó có nội dung xác nhận nhân sự dự kiến là người quản lý) và thời gian đảm nhiệm chức vụ của nhân sự dự kiến hoặc bản sao văn bản chứng minh chức vụ và thời gian đảm nhiệm chức vụ tại đơn vị của nhân sự dự kiến.

c) Đối với điều kiện “có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán”: Văn bản của người đại diện có thẩm quyền của đơn vị nơi nhân sự dự kiến đã hoặc đang làm việc xác nhận nhân sự dự kiến làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán và thời gian nhân sự dự kiến làm việc tại các bộ phận này hoặc bản sao các văn bản chứng minh bộ phận công tác, thời gian đảm nhận nhiệm vụ của nhân sự dự kiến tại bộ phận này.

d) Đối với điều kiện “có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài”: Văn bản của người đại diện có thẩm quyền của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

nơi nhân sự dự kiến đã hoặc đang làm việc xác nhận nhân sự dự kiến làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và thời gian nhân sự dự kiến làm việc tại bộ phận nghiệp vụ này hoặc bản sao các văn bản chứng minh bộ phận công tác, thời gian đảm nhận nhiệm vụ của nhân sự dự kiến tại bộ phận này.

8. Các tài liệu chứng minh việc đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện đối với nhân sự dự kiến giữ chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc) của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng quy định tại điểm c khoản 4 Điều 41 Luật Các tổ chức tín dụng, cụ thể:

a) Đối với điều kiện “có ít nhất 05 năm làm người điều hành tổ chức tín dụng”: Văn bản của người đại diện có thẩm quyền của tổ chức tín dụng nơi nhân sự dự kiến đã hoặc đang làm việc xác nhận chức vụ và thời gian đảm nhiệm chức vụ của nhân sự dự kiến hoặc bản sao văn bản chứng minh chức vụ và thời gian đảm nhiệm chức vụ tại tổ chức tín dụng của nhân sự dự kiến.

b) Đối với điều kiện “có ít nhất 5 năm là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 5 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán”:

(i) Bản sao các báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập của doanh nghiệp nơi nhân sự dự kiến đã hoặc đang giữ chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc). Trường hợp doanh nghiệp không thuộc đối tượng phải thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính hằng năm thì phải cung cấp báo cáo tài chính đã nộp cho cơ quan thuế theo quy định của pháp luật;

(ii) Văn bản của người đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp nơi nhân sự dự kiến đã hoặc đang làm việc xác nhận chức vụ và thời gian đảm nhiệm chức vụ của nhân sự dự kiến hoặc bản sao văn bản chứng minh chức vụ và thời gian đảm nhiệm chức vụ tại doanh nghiệp của nhân sự dự kiến;

(iii) Văn bản của người đại diện có thẩm quyền của đơn vị nơi nhân sự dự kiến đã hoặc đang làm việc xác nhận nhân sự dự kiến làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán và thời gian nhân sự dự kiến làm việc tại lĩnh vực này hoặc bản sao các văn bản chứng minh lĩnh vực công tác, thời gian đảm nhận nhiệm vụ của nhân sự dự kiến tại lĩnh vực này.

c) Đối với điều kiện “có ít nhất 10 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán”: Văn bản của người đại diện có thẩm quyền của đơn vị nơi nhân sự dự kiến đã hoặc đang làm việc xác nhận nhân sự dự kiến làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán và thời gian nhân sự dự kiến làm việc tại lĩnh vực này hoặc bản sao các văn bản chứng minh lĩnh vực công tác, thời gian đảm nhận nhiệm vụ của nhân sự dự kiến tại lĩnh vực này.

9. Tài liệu chứng minh việc đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện “có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán” đối với nhân sự dự kiến giữ chức danh thành viên Ban kiểm soát của ngân hàng

thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng quy định tại điểm c khoản 3 Điều 41 Luật Các tổ chức tín dụng: Văn bản của người đại diện có thẩm quyền của đơn vị nơi nhân sự dự kiến đã hoặc đang làm việc xác nhận nhân sự dự kiến làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán và thời gian nhân sự dự kiến làm việc tại lĩnh vực này hoặc bản sao các văn bản chứng minh lĩnh vực công tác, thời gian đảm nhận nhiệm vụ của nhân sự dự kiến tại lĩnh vực này.

10. Đối với nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm thuộc trường hợp ngoại lệ quy định tại điểm c khoản 1, điểm đ, e khoản 2 Điều 42 Luật Các tổ chức tín dụng: Văn bản của cơ quan có thẩm quyền cử nhân sự dự kiến làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại tổ chức tín dụng; cử, chỉ định, bổ nhiệm nhân sự dự kiến tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát tổ chức tín dụng hoặc tổ chức tín dụng bị tuyên bố phá sản theo yêu cầu nhiệm vụ.

11. Tài liệu chứng minh việc đáp ứng “có đạo đức nghề nghiệp”:

a) Nội dung đánh giá và cam kết của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm về việc đáp ứng “có đạo đức nghề nghiệp” quy định tại Điều 6 theo mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 20/2025/TT-NHNN ngày 31/7/2025;

b) Văn bản đánh giá của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi nhân sự dự kiến đã từng công tác theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 20/2025/TT-NHNN ngày 31/7/2025, ngoại trừ tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã giải thể, phá sản, hợp nhất, bị sáp nhập.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (một) bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận dự kiến nhân sự của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

- **Phí, lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Mẫu sơ yếu lý lịch theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 20/2025/TT-NHNN ngày 31/7/2025.

+ Bảng kê khai người có liên quan theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 20/2025/TT-NHNN ngày 31/7/2025.

+ Văn bản đánh giá của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi nhân sự dự kiến đã từng công tác theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 20/2025/TT-NHNN ngày 31/7/2025.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng phải tuân

thủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 41 Luật Các tổ chức tín dụng, cụ thể:

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

a) Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại khoản 1 Điều 42 Luật Các tổ chức tín dụng;

b) Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

c) Có trình độ từ đại học trở lên;

d) Có một trong các điều kiện sau đây: có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng; có ít nhất 05 năm là người quản lý doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.

2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 41 Luật Các tổ chức tín dụng và các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho tổ chức tín dụng hoặc công ty con của tổ chức tín dụng đó hoặc đã làm việc cho tổ chức tín dụng hoặc công ty con của tổ chức tín dụng đó trong 03 năm liền kề trước đó;

b) Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của tổ chức tín dụng đó, ngoài những khoản thù lao của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng;

c) Không có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của tổ chức tín dụng đó, người quản lý hoặc kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng đó hoặc công ty con của tổ chức tín dụng đó;

d) Không đại diện sở hữu cổ phần của tổ chức tín dụng đó; không cùng với người có liên quan sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 01% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của tổ chức tín dụng đó;

đ) Không phải là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng đó tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 năm liền kề trước đó.

3. Thành viên Ban kiểm soát phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

a) Tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 41 Luật Các tổ chức tín dụng;

b) Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;

c) Có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;

d) Không phải là người có liên quan của người quản lý tổ chức tín dụng đó;

đ) Trưởng ban kiểm soát phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

4. Tổng giám đốc (Giám đốc) phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

a) Tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 41 Luật Các tổ chức tín dụng;

b) Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;

c) Có một trong các điều kiện sau đây: có ít nhất 05 năm là người điều hành tổ chức tín dụng; có ít nhất 05 năm là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 10 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;

d) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15.

+ Thông tư số 20/2025/TT-NHNN ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về hồ sơ, thủ tục chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

+ *Thông tư số 48/2025/TT-NHNN ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Thông tư trong lĩnh vực quản lý, giám sát ngân hàng liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, thay đổi cơ cấu, tổ chức bộ máy.*

Phụ lục I

(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2025/TT-NHNN ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh màu
(4 x 6)

SƠ YẾU LÝ LỊCH⁽¹⁾

1. Về bản thân

- Họ và tên khai sinh.
- Họ và tên thường gọi.
- Bí danh.
- Ngày, tháng, năm sinh.
- Số căn cước hoặc số định danh cá nhân, nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú, tạm trú) đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam hoặc số định danh cá nhân đối với người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận căn cước theo pháp luật về căn cước.
- Số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch/các quốc tịch (nếu có), nơi ở hiện tại đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam.
- Tên, địa chỉ của pháp nhân mà mình đại diện, tỷ lệ vốn góp được đại diện (trường hợp là người đại diện phần vốn góp của cổ đông hoặc thành viên góp vốn là pháp nhân hoặc là người được cử làm đại diện phần vốn góp của Nhà nước tại tổ chức tín dụng).

2. Trình độ học vấn

- Giáo dục phổ thông.
- Học hàm, học vị (nêu rõ tên, địa chỉ trường; chuyên ngành học; thời gian học; bằng cấp (liệt kê đầy đủ các bằng cấp)).

3. Quá trình công tác

- Nghề nghiệp, đơn vị, chức vụ công tác từ năm 18 tuổi đến nay ⁽²⁾.

STT	Thời gian (từ tháng/năm đến tháng/năm) ⁽³⁾	Đơn vị công tác	Chức vụ ⁽⁴⁾	Lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp và nhiệm vụ được giao	Ghi chú ⁽⁵⁾
	...				

- Khen thưởng, kỷ luật, trách nhiệm theo kết luận thanh tra, kiểm tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính ⁽⁶⁾.

4. Năng lực hành vi dân sự ⁽⁷⁾

5. Thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã (đối với trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có thông tin này).

6. Cam kết trước pháp luật

Tôi cam kết:

- Đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện để giữ chức danh..... tại ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Trong đó, tôi cam kết tuân thủ về việc có đạo đức nghề nghiệp theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 20/2025/TT-NHNN ngày 31/7/2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về hồ sơ, thủ tục chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và tổ chức tín dụng phi ngân hàng trong quá trình công tác tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (nếu có) và tuân thủ các quy định về quy tắc, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của tổ chức tín dụng nước ngoài (nếu có) nơi tôi từng công tác.

- Không vi phạm các quy định của pháp luật trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

- Thông báo cho ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài về bất kỳ thay đổi nào liên quan đến nội dung bản khai này phát sinh trong thời gian Ngân hàng Nhà nước đang xem xét đề nghị của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

- Các thông tin cá nhân Tôi cung cấp cho ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài để trình Ngân hàng Nhà nước xem xét, chấp thuận dự kiến nhân sự là đúng sự thật. Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, trung thực, chính xác của các thông tin kê khai nêu trên./.

...., ngày... tháng... năm...

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)⁽⁸⁾

Ghi chú:

1. Người khai phải kê khai đầy đủ thông tin theo yêu cầu và chịu trách nhiệm trước pháp luật và ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi

nhánh ngân hàng nước ngoài về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của hồ sơ, trường hợp không phát sinh thì ghi rõ không có.

2. Người khai phải kê khai đầy đủ công việc, đơn vị công tác, các chức vụ đã và đang nắm giữ.

3. Phải đảm bảo tính liên tục về mặt thời gian.

4. Nêu rõ nếu nhân sự dự kiến là người quản lý, người điều hành theo quy định của pháp luật và Điều lệ hoặc quy định nội bộ của tổ chức tín dụng, doanh nghiệp, đồng thời ghi rõ mã số thuế/mã số doanh nghiệp của doanh nghiệp nơi nhân sự dự kiến là người quản lý.

5. Ghi chú nếu đơn vị công tác thuộc các trường hợp sau:

a) Công ty con của tổ chức tín dụng;

b) Doanh nghiệp mà Nhà nước sở hữu từ 50% vốn điều lệ trở lên;

c) Đơn vị theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 42 Luật Các tổ chức tín dụng;

d) Đơn vị theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 42 Luật Các tổ chức tín dụng (Ghi cụ thể tên đơn vị và thời điểm bị tuyên bố phá sản, chức vụ và thời gian đảm nhiệm chức vụ của nhân sự dự kiến);

6. Ghi cụ thể nếu nhân sự thuộc trường hợp nêu tại điểm d, g khoản 1 Điều 42 Luật Các tổ chức tín dụng.

7. Ghi cụ thể: đầy đủ/hạn chế/mất năng lực hành vi dân sự.

8. Chữ ký phải được chứng thực theo quy định của pháp luật.

(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2025/TT-NHNN ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

STT	Người khai và “người có liên quan” của người khai	Mối quan hệ với người khai ⁽¹⁾	Số căn cước/số định danh cá nhân (đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam) hoặc số định danh cá nhân (đối với người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận căn cước theo pháp luật về căn cước) hoặc số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Mã số thuế hoặc Giấy chứng nhận tương đương (đối với trường hợp người có liên quan là tổ chức ghi thông tin mã số doanh nghiệp).	Chức vụ tại tổ chức tín dụng đề nghị	Chức vụ tại Công ty con của tổ chức tín dụng đề nghị	Tỷ lệ sở hữu cổ phần hoặc tỷ lệ vốn góp đại diện tại tổ chức tín dụng đề nghị (%)	...
1	Nguyễn Văn A	Người khai					
2	Nguyễn Thị B	Vợ					
	...						

Tôi cam kết các thông tin cung cấp trên đây là đúng sự thật. Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, trung thực, chính xác của các thông tin kê khai nêu trên./.

...., ngày... tháng... năm...

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)⁽²⁾

Ghi chú:

1. Căn cứ mối quan hệ thực tế của người có liên quan tại cột (2) thuộc trường hợp cụ thể theo quy định tại khoản 24 Điều 4, khoản 3 Điều 69 Luật Các tổ chức tín dụng để điền vào cột này. Người khai phải kê khai đầy đủ thông tin theo yêu cầu và chịu trách nhiệm trước pháp luật và ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của hồ sơ, trường hợp không phát sinh thì ghi rõ không có, trường hợp người có liên quan đã mất ghi rõ đã mất.

2. Chữ ký phải được chứng thực theo quy định của pháp luật.

Phụ lục IV

(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2025/TT-NHNN ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

**TÊN TỔ CHỨC TÍN
DỤNG, CHI NHÁNH
NGÂN HÀNG NƯỚC
NGOÀI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày.... tháng.... năm.....

**VĂN BẢN ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CHUẨN MỰC ĐẠO ĐỨC
NGHỀ NGHIỆP ĐỐI VỚI NHÂN SỰ THUỘC QUẢN LÝ CỦA TỔ
CHỨC TÍN DỤNG, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI**

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

- Căn cứ Thông tư số 20/2025/TT-NHNN ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về hồ sơ, thủ tục chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

- Căn cứ Thông tư số..... ngày..... của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ...

(Tên Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) cung cấp thông tin về việc thực hiện chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong quá trình công tác tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài của Ông/Bà như sau:

I. Thông tin về nhân sự

1. Họ và tên nhân sự.

Ngày, tháng, năm sinh.

2. Thời gian công tác: từ tháng/năm đến tháng/năm.

3. Vị trí công tác, nhiệm vụ được giao: thời gian từ tháng/năm đến tháng/năm (Nêu rõ nếu là người quản lý, người điều hành)

...

II. Thông tin về việc thực hiện chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp

1. Thông tin chi tiết theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 20/2025/TT-NHNN ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về hồ sơ, thủ tục chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

2. Nhân sự đáp ứng/không đáp ứng chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp.

Trường hợp không đáp ứng, nêu rõ hành vi, thời gian và biện pháp xử lý.

III. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các thông tin cung cấp tại văn bản này./.

**Người đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng,
chi nhánh ngân hàng nước ngoài**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

Văn bản này được sử dụng lại khi làm hồ sơ đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự tại các ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác.

2. Thủ tục nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần dẫn đến mức sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên của một tổ chức tín dụng Việt Nam (mã TTHC: 1.001244)

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Tổ chức tín dụng Việt Nam (đối với trường hợp mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán) hoặc nhà đầu tư nước ngoài (đối với trường hợp tổ chức tín dụng Việt Nam đã niêm yết, đã đăng ký giao dịch cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán) lập hồ sơ theo quy định gửi Ngân hàng Nhà nước đề nghị chấp thuận việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam.

+ Bước 2: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản xác nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu bổ sung. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ bổ sung, Ngân hàng Nhà nước có văn bản xác nhận về việc nhận đủ hồ sơ bổ sung.

+ Bước 3: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước xem xét chấp thuận hoặc không chấp thuận bằng văn bản việc mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài. Trường hợp không chấp thuận, văn bản của Ngân hàng Nhà nước phải nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện:

- + Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước;
- + Gửi qua dịch vụ bưu chính;
- + Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Thành phần hồ sơ:

a) *Đối với tổ chức tín dụng Việt Nam đã niêm yết, đã đăng ký giao dịch cổ phiếu:*

+ Đơn đề nghị chấp thuận việc mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam theo mẫu quy định tại Phụ lục số 01 Thông tư số 48/2025/TT-NHNN ngày 16/12/2025.

+ Bản sao văn bản cấp Mã số Giao dịch chứng khoán do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp cho nhà đầu tư nước ngoài.

+ *Văn bản xác nhận của ngân hàng mở tài khoản cho nhà đầu tư nước ngoài về số dư tiền gửi của nhà đầu tư nước ngoài hoặc tài liệu khác chứng minh nhà đầu tư nước ngoài có đủ nguồn tài chính hợp pháp để mua cổ phần.*

+ Bảng kê khai về tình hình sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư nước ngoài tại các tổ chức tín dụng Việt Nam tính đến thời điểm nộp hồ sơ theo mẫu quy định tại Phụ lục số 02 Thông tư số 38/2014/TT-NHNN ngày 08/12/2014 (đã được sửa đổi, bổ sung).

+ *Lý lịch tự khai theo mẫu quy định tại Phụ lục số 03 Thông tư số 48/2025/TT-NHNN ngày 16/12/2025, bản sao hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu của nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân, của người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư nước ngoài và người được ủy quyền đại diện phần vốn của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức tại tổ chức tín dụng Việt Nam.*

+ Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài ủy quyền cho người đại diện giao dịch tại Việt Nam thực hiện mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam, hồ sơ bổ sung các thành phần sau: (i) Hợp đồng ủy quyền, hợp đồng ủy thác, hợp đồng chỉ định đầu tư hoặc các hình thức văn bản khác phù hợp với quy định của pháp luật giữa nhà đầu tư nước ngoài và người đại diện giao dịch tại Việt Nam; (ii) Văn bản xác nhận của Ủy ban chứng khoán Nhà nước về người đại diện giao dịch hoặc thay đổi người đại diện giao dịch tại Việt Nam (nếu có) của nhà đầu tư nước ngoài.

+ Trường hợp tổ chức tín dụng Việt Nam phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư nước ngoài để tăng vốn điều lệ, hồ sơ bổ sung các thành phần sau: (i) Giấy đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo quy định; (ii) Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông của tổ chức tín dụng Việt Nam phê duyệt về chủ trương phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ và phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán; (iii) Văn bản thỏa thuận mua bán cổ phần giữa tổ chức tín dụng Việt Nam và nhà đầu tư nước ngoài; (iv) Văn bản chấp thuận của Ngân hàng nhà nước về việc tăng vốn điều lệ và phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư nước ngoài.

+ Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức, hồ sơ bổ sung các thành phần hồ sơ sau: (i) Quyết định của cấp có thẩm quyền của nhà đầu tư nước ngoài về việc mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam; (ii) Bản sao Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc văn bản tương đương của nhà đầu tư nước ngoài; (iii) Điều lệ hoặc văn bản pháp lý khác có quy định về người đại diện theo pháp luật trong trường hợp người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư nước ngoài không phải là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc).

+ Bảng liệt kê danh mục hồ sơ.

b) Đối với tổ chức tín dụng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch cổ phiếu:

(i) Thành phần hồ sơ do tổ chức tín dụng Việt Nam lập gồm:

+ Văn bản của tổ chức tín dụng Việt Nam đề nghị chấp thuận việc mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài;

+ Danh sách và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài của tổ chức tín dụng Việt Nam trước và sau khi chuyển nhượng cổ phần;

+ Trong trường hợp tổ chức tín dụng Việt Nam phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư nước ngoài để tăng vốn điều lệ, hồ sơ cần phải bổ sung các thành phần hồ sơ quy định: (i) Giấy đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo quy định;

(ii) Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông của tổ chức tín dụng Việt Nam phê duyệt về chủ trương phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ và phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán; (iii) Văn bản thỏa thuận mua bán cổ phần giữa tổ chức tín dụng Việt Nam và nhà đầu tư nước ngoài; (iv) Văn bản chấp thuận của Ngân hàng nhà nước về việc tăng vốn điều lệ và phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư nước ngoài.

+ Bảng liệt kê danh mục hồ sơ.

(ii) Thành phần hồ sơ do nhà đầu tư nước ngoài lập gồm:

+ Đơn đề nghị chấp thuận việc mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam theo mẫu quy định tại Phụ lục số 01 Thông tư số 48/2025/TT-NHNN ngày 16/12/2025.

+ Bản sao văn bản cấp Mã số Giao dịch chứng khoán do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp cho nhà đầu tư nước ngoài.

+ *Văn bản xác nhận của ngân hàng mở tài khoản cho nhà đầu tư nước ngoài về số dư tiền gửi của nhà đầu tư nước ngoài hoặc tài liệu khác chứng minh nhà đầu tư nước ngoài có đủ nguồn tài chính hợp pháp để mua cổ phần.*

+ Bảng kê khai về tình hình sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư nước ngoài tại các tổ chức tín dụng Việt Nam tính đến thời điểm nộp hồ sơ theo mẫu quy định tại Phụ lục số 02 Thông tư số 38/2014/TT-NHNN ngày 08/12/2014 (đã được sửa đổi, bổ sung).

+ *Lý lịch tự khai theo mẫu quy định tại Phụ lục số 03 Thông tư số 48/2025/TT-NHNN ngày 16/12/2025, bản sao hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu của nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân, của người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư nước ngoài và người được ủy quyền đại diện phần vốn của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức tại tổ chức tín dụng Việt Nam.*

+ Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài ủy quyền cho người đại diện giao dịch tại Việt Nam thực hiện mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam, hồ sơ bổ sung các thành phần sau: (i) Hợp đồng ủy quyền, hợp đồng ủy thác, hợp đồng chỉ định đầu tư hoặc các hình thức văn bản khác phù hợp với quy định của pháp luật giữa nhà đầu tư nước ngoài và người đại diện giao dịch tại Việt Nam; (ii) Văn bản xác nhận của Ủy ban chứng khoán Nhà nước về người đại diện giao dịch hoặc thay đổi người đại diện giao dịch tại Việt Nam (nếu có) của nhà đầu tư nước ngoài.

+ Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức, hồ sơ bổ sung các thành phần hồ sơ sau: (i) Quyết định của cấp có thẩm quyền của nhà đầu tư nước ngoài về việc mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam; (ii) Bản sao Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc văn bản tương đương của nhà đầu tư nước ngoài; (iii) Điều lệ hoặc văn bản pháp lý khác có quy định về người đại diện theo pháp luật trong trường hợp người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư nước ngoài không phải

là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc).

+ Văn bản thỏa thuận về việc chuyển nhượng cổ phần giữa các bên trong trường hợp nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của cổ đông của tổ chức tín dụng Việt Nam.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

- **Thời gian giải quyết:** 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức tín dụng Việt Nam, nhà đầu tư nước ngoài.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận việc mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài.

- **Lệ Phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Mẫu đơn đề nghị chấp thuận việc mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam của nhà đầu tư nước ngoài tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 48/2025/TT-NHNN ngày 16/12/2025.

+ Bảng kê khai tình hình sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư nước ngoài tại các tổ chức tín dụng Việt Nam tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 38/2014/TT-NHNN ngày 08/12/2015.

+ Mẫu sơ yếu lý lịch của cá nhân tại Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 48/2025/TT-NHNN ngày 16/12/2025.

- **Yêu cầu, điều kiện:** Không

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15.

+ Thông tư số 38/2014/TT-NHNN ngày 08 tháng 12 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam.

+ *Thông tư số 48/2025/TT-NHNN ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Thông tư trong lĩnh vực quản lý, giám sát ngân hàng liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, thay đổi cơ cấu, tổ chức bộ máy.*

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN VIỆC MUA CỔ PHẦN CỦA TỔ CHỨC
TÍN DỤNG VIỆT NAM**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 48/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Thông tư của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong lĩnh vực quản lý, giám sát ngân hàng liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, thay đổi cơ cấu, tổ chức bộ máy)

- Mục 1. Mẫu đơn đề nghị chấp thuận việc mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam của tổ chức nước ngoài
- Mục 2. Mẫu đơn đề nghị chấp thuận việc mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam của cá nhân nước ngoài

Mục 1. Mẫu đơn đề nghị chấp thuận việc mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam của tổ chức nước ngoài

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.... tháng.... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN VIỆC MUA CỔ PHẦN
CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG VIỆT NAM**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

1. Tổ chức đề nghị mua cổ phần:

- Tên (tên đầy đủ bằng chữ in hoa):
- Số định danh của tổ chức (nếu có).
- Mã số giao dịch chứng khoán: ; Ngày cấp:
- Số Quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh: ; Nơi cấp: ; Ngày cấp:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Số điện thoại: ; Fax:
- Mã số SWIFT:
- Địa chỉ Email:

2. Người đại diện giao dịch tại Việt Nam:

- Họ và tên:

- Số căn cước/Số định danh cá nhân, hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu: ; Nơi cấp: ; Ngày cấp:

- Quốc tịch:

- Địa chỉ thường trú:

3. Người dự kiến được cử làm đại diện ủy quyền của tổ chức tại tổ chức tín dụng Việt Nam:

- Họ và tên:

- Nơi công tác và chức vụ hiện tại:

- Quan hệ với tổ chức:

- Số hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu: ; Nơi cấp: ; Ngày cấp:

- Quốc tịch:

- Địa chỉ thường trú:

4. Tổ chức tín dụng Việt Nam:

- Tên (tên đầy đủ bằng chữ in hoa):

- Số định danh của tổ chức (nếu có):

- Số Quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh: ; Nơi cấp: ; Ngày cấp:

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Số điện thoại: ; Fax:

- Địa chỉ Email:

5. Nội dung đăng ký mua cổ phần:

- Hình thức mua cổ phần:

- Số lượng cổ phần đăng ký mua:

- Số cổ phần, tỷ lệ sở hữu cổ phần so với vốn điều lệ của tổ chức tín dụng ... trước và sau khi mua cổ phần:

- Thời gian giao dịch dự kiến:

6. Cam kết:

Sau khi nghiên cứu Điều lệ tổ chức tín dụng... và các quy định của pháp luật có liên quan, thay mặt... tôi xin cam kết:

- a) Mua đủ số cổ phần đã đăng ký;
- b) Chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của khoản tiền để mua cổ phần tại tổ chức tín dụng...;
- c) Tuân thủ các quy định trong Điều lệ tổ chức tín dụng..., Quy định nội bộ của tổ chức tín dụng... và các quy định của pháp luật có liên quan;
- d) Hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của các thông tin đã khai trên đây và những hồ sơ gửi kèm.

Người đại diện theo pháp luật của tổ chức
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Mục 2. Mẫu đơn đề nghị chấp thuận việc mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam của cá nhân nước ngoài

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN VIỆC MUA CỔ PHẦN
CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG VIỆT NAM

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

1. Cá nhân đề nghị mua cổ phần:

- Họ và tên: (tên đầy đủ bằng chữ in hoa)
- Số định danh của tổ chức (nếu có):
- Ngày tháng năm sinh:
- Mã số giao dịch chứng khoán: ; Ngày cấp:
- Số hộ chiếu/ Giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu: ; Nơi cấp: ; Ngày cấp:
- Quốc tịch:
- Địa chỉ thường trú:
- Số điện thoại: ; Fax:
- Địa chỉ Email:
- Nơi công tác và chức vụ hiện tại:

2. Người đại diện giao dịch tại Việt Nam:

- Họ và tên:
- Số căn cước/Số định danh cá nhân (hoặc số hộ chiếu/ Giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu): ; Nơi cấp: ; Ngày cấp:
- Quốc tịch:
- Địa chỉ thường trú:

3. Tổ chức tín dụng Việt Nam:

- Tên (tên đầy đủ bằng chữ in hoa):

- Số định danh của tổ chức (nếu có):
- Số Quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh: ; Nơi cấp: ;
Ngày cấp:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Số điện thoại: ; Fax:
- Địa chỉ Email:

4. Nội dung đăng ký mua cổ phần:

- Hình thức mua cổ phần:
- Số lượng cổ phần đăng ký mua:
- Số cổ phần, tỷ lệ sở hữu cổ phần so với vốn điều lệ của tổ chức tín dụng ... trước và sau khi mua cổ phần:
- Thời gian giao dịch dự kiến:

5. Cam kết:

Sau khi nghiên cứu Điều lệ tổ chức tín dụng... và các quy định của pháp luật có liên quan, thay mặt ... tôi xin cam kết:

- a) Mua đủ số cổ phần đã đăng ký;
- b) Chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của khoản tiền để mua cổ phần tại tổ chức tín dụng...;
- c) Tuân thủ các quy định trong Điều lệ tổ chức tín dụng..., Quy định nội bộ của tổ chức tín dụng... và các quy định của pháp luật có liên quan;
- d) Hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của các thông tin đã khai trên đây và những hồ sơ gửi kèm.

Người đề nghị
(Ký, ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC SỐ 02

**BẢNG KÊ KHAI VỀ TÌNH HÌNH SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ
NƯỚC NGOÀI VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI
TẠI CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG VIỆT NAM**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2014/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ngày 08 tháng 12 năm 2014 quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm.....

BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

STT	Người khai và “người có liên quan”	Mối quan hệ với người khai	Đã tham gia góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam		Tỷ lệ sở hữu của tổ chức, cá nhân/vốn điều lệ sau khi mua cổ phần của tổ chức tín dụng... (%)
			Tên tổ chức tín dụng Việt Nam	Tỷ lệ sở hữu của tổ chức, cá nhân/vốn điều lệ của tổ chức tín dụng (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1.	Ví dụ: Ông A (Người khai)				

2.	Ví dụ: Vợ Bà B				
3.	Ví dụ: Là công ty X do ông A là Chủ tịch HĐQT, Giám đốc ...				
...					
Tổng cộng	(Không điền thông tin vào đây)				...%

Tôi cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của các thông tin đã khai trên đây.

Người khai (7)

(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI THEO MẪU

- Đối với phần kê khai tại (2): kê khai toàn bộ mối quan hệ “người có liên quan”.
- Đối với phần kê khai tại (3): Ghi rõ mối quan hệ với người khai.
- Đối với phần kê khai tại (4): Ghi rõ tên các tổ chức tín dụng Việt Nam đã tham gia góp vốn, mua cổ phần.
- Đối với phần kê khai tại (7): Nếu là tổ chức, người ký tên người khai là đại diện theo pháp luật của tổ chức.

PHỤ LỤC SỐ 03

MẪU SƠ YẾU LÝ LỊCH CỦA CÁ NHÂN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 48/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Thông tư của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong lĩnh vực quản lý, giám sát ngân hàng liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, thay đổi cơ cấu, tổ chức bộ máy)

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Về bản thân

- Họ và tên khai sinh:
- Họ và tên thường gọi:
- Bí danh:
- Ngày tháng năm sinh:
- Nơi sinh:
- Quốc tịch (các quốc tịch hiện có):
- Địa chỉ thường trú:
- Số hộ chiếu/ Giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu: ; Nơi cấp ; Ngày cấp:

Ảnh hộ
chiếu (4x6)
(đóng dấu
giáp lai)

2. Trình độ học vấn:

3. Quá trình công tác:

Nêu rõ nghề nghiệp, đơn vị công tác và chức vụ đảm nhiệm từ năm 18 tuổi đến nay (đảm bảo tính liên tục về mặt thời gian).

4. Cam kết trước pháp luật:

Tôi , cam kết những lời khai trên là đúng sự thật. Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này.

....., ngày ... tháng ... năm ...

Chữ ký và họ tên đầy đủ của người khai

....., ngày ... tháng ... năm ...

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
(cơ quan nơi cá nhân đó đang làm việc;
cơ quan quản lý, theo dõi lý lịch cá nhân...)

3. Thủ tục nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần dẫn đến mức sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên của một tổ chức tín dụng Việt Nam (mã TTHC: 1.001256)

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Tổ chức tín dụng Việt Nam (đối với trường hợp mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán) hoặc nhà đầu tư nước ngoài (đối với trường hợp tổ chức tín dụng Việt Nam đã niêm yết, đã đăng ký giao dịch cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán) lập hồ sơ theo quy định gửi Ngân hàng Nhà nước đề nghị chấp thuận việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam.

+ Bước 2: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản xác nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu bổ sung. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ bổ sung, Ngân hàng Nhà nước có văn bản xác nhận về việc nhận đủ hồ sơ bổ sung.

+ Bước 3: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước xem xét chấp thuận hoặc không chấp thuận bằng văn bản việc mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài. Trường hợp không chấp thuận, văn bản của Ngân hàng Nhà nước phải nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện:

- + Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước;
- + Gửi qua dịch vụ bưu chính;
- + Nộp trực tuyến qua Công dịch vụ công quốc gia.

- Thành phần hồ sơ:

a) Đối với tổ chức tín dụng Việt Nam đã niêm yết, đã đăng ký giao dịch cổ phiếu:

+ Đơn đề nghị chấp thuận việc mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam theo mẫu quy định tại Phụ lục số 01 Thông tư số 48/2025/TT-NHNN ngày 16/12/2025.

+ Bản sao văn bản cấp Mã số Giao dịch chứng khoán do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp cho nhà đầu tư nước ngoài.

+ *Văn bản xác nhận của ngân hàng mở tài khoản cho nhà đầu tư nước ngoài về số dư tiền gửi của nhà đầu tư nước ngoài hoặc tài liệu khác chứng minh nhà đầu tư nước ngoài có đủ nguồn tài chính hợp pháp để mua cổ phần.*

+ Bảng kê khai về tình hình sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư nước ngoài tại các tổ chức tín dụng Việt Nam tính đến thời điểm nộp hồ sơ theo mẫu quy định tại Phụ lục số 02 Thông tư số 38/2014/TT-NHNN ngày 08/12/2014 (đã được sửa đổi, bổ sung).

+ *Lý lịch tự khai theo mẫu quy định tại Phụ lục số 03 Thông tư số 48/2025/TT-NHNN ngày 16/12/2025, bản sao hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu của nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân, của người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư nước ngoài và người được ủy quyền đại diện phần vốn của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức tại tổ chức tín dụng Việt Nam.*

+ Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài ủy quyền cho người đại diện giao dịch tại Việt Nam thực hiện mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam, hồ sơ bổ sung các thành phần sau: (i) Hợp đồng ủy quyền, hợp đồng ủy thác, hợp đồng chỉ định đầu tư hoặc các hình thức văn bản khác phù hợp với quy định của pháp luật giữa nhà đầu tư nước ngoài và người đại diện giao dịch tại Việt Nam; (ii) Văn bản xác nhận của Ủy ban chứng khoán Nhà nước về người đại diện giao dịch hoặc thay đổi người đại diện giao dịch tại Việt Nam (nếu có) của nhà đầu tư nước ngoài.

+ Trường hợp tổ chức tín dụng Việt Nam phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư nước ngoài để tăng vốn điều lệ, hồ sơ bổ sung các thành phần sau: (i) Giấy đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo quy định; (ii) Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông của tổ chức tín dụng Việt Nam phê duyệt về chủ trương phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ và phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán; (iii) Văn bản thỏa thuận mua bán cổ phần giữa tổ chức tín dụng Việt Nam và nhà đầu tư nước ngoài; (iv) Văn bản chấp thuận của Ngân hàng nhà nước về việc tăng vốn điều lệ và phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư nước ngoài.

+ Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức, hồ sơ bổ sung các thành phần hồ sơ sau: (i) Quyết định của cấp có thẩm quyền của nhà đầu tư nước ngoài về việc mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam; (ii) Bản sao Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc văn bản tương đương của nhà đầu tư nước ngoài; (iii) Điều lệ hoặc văn bản pháp lý khác có quy định về người đại diện theo pháp luật trong trường hợp người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư nước ngoài không phải

là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc).

+ Văn bản hoặc tài liệu của tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế về kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất với thời điểm nộp hồ sơ đối với tổ chức nước ngoài.

+ Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nguyên xứ cung cấp thông tin về tình hình tuân thủ pháp luật về lĩnh vực tiền tệ, hoạt động ngân hàng, chứng khoán và thị trường chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài tại nước nơi nhà đầu tư nước ngoài đặt trụ sở chính trong thời hạn 12 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ.

+ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán độc lập của năm liền kề trước năm nộp hồ sơ.

+ Bảng liệt kê danh mục hồ sơ.

b) Đối với tổ chức tín dụng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch cổ phiếu:

(i) Thành phần hồ sơ do tổ chức tín dụng Việt Nam lập gồm:

+ Văn bản của tổ chức tín dụng Việt Nam đề nghị chấp thuận việc mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài;

+ Danh sách và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài của tổ chức tín dụng Việt Nam trước và sau khi chuyển nhượng cổ phần;

+ Trong trường hợp tổ chức tín dụng Việt Nam phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư nước ngoài để tăng vốn điều lệ, hồ sơ cần phải bổ sung các thành phần hồ sơ quy định tại: Giấy đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo quy định; Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông của tổ chức tín dụng Việt Nam phê duyệt về chủ trương phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ và phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán; Văn bản thỏa thuận mua bán cổ phần giữa tổ chức tín dụng Việt Nam và nhà đầu tư nước ngoài; Văn bản chấp thuận của Ngân hàng nhà nước về việc tăng vốn điều lệ và phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư nước ngoài;

(ii) Thành phần hồ sơ do nhà đầu tư nước ngoài lập gồm:

+ Đơn đề nghị chấp thuận việc mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam theo mẫu quy định tại Phụ lục số 01 Thông tư số 48/2025/TT-NHNN ngày 16/12/2025;

+) Bản sao văn bản cấp Mã số Giao dịch chứng khoán do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp cho nhà đầu tư nước ngoài;

+ Văn bản xác nhận của ngân hàng mở tài khoản cho nhà đầu tư nước ngoài về số dư tiền gửi của nhà đầu tư nước ngoài hoặc tài liệu khác chứng minh nhà đầu tư nước ngoài có đủ nguồn tài chính hợp pháp để mua cổ phần;

+ Bảng kê khai về tình hình sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư nước ngoài tại các tổ chức tín dụng Việt Nam

tính đến thời điểm nộp hồ sơ theo mẫu quy định tại Phụ lục số 02 Thông tư số 38/2014/TT-NHNN ngày 08/12/2014 (đã được sửa đổi, bổ sung);

+ *Lý lịch tự khai theo mẫu quy định tại Phụ lục số 03 Thông tư số 48/2025/TT-NHNN ngày 16/12/2025, bản sao hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu của nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân, của người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư nước ngoài và người được ủy quyền đại diện phần vốn của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức tại tổ chức tín dụng Việt Nam;*

+ Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài ủy quyền cho người đại diện giao dịch tại Việt Nam thực hiện mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam, hồ sơ bổ sung các thành phần sau: Hợp đồng ủy quyền, hợp đồng ủy thác, hợp đồng chỉ định đầu tư hoặc các hình thức văn bản khác phù hợp với quy định của pháp luật giữa nhà đầu tư nước ngoài và người đại diện giao dịch tại Việt Nam; Văn bản xác nhận của Ủy ban chứng khoán Nhà nước về người đại diện giao dịch hoặc thay đổi người đại diện giao dịch tại Việt Nam (nếu có) của nhà đầu tư nước ngoài;

+ Quyết định của cấp có thẩm quyền của nhà đầu tư nước ngoài về việc mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam; Bản sao Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc văn bản tương đương của nhà đầu tư nước ngoài; Điều lệ hoặc văn bản pháp lý khác có quy định về người đại diện theo pháp luật trong trường hợp người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư nước ngoài không phải là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc);

+ Văn bản thỏa thuận về việc chuyển nhượng cổ phần giữa các bên trong trường hợp nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của cổ đông của tổ chức tín dụng Việt Nam;

+ Bảng liệt kê danh mục.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

- **Thời gian giải quyết:** 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức tín dụng Việt Nam, nhà đầu tư nước ngoài.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận việc mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài.

- **Lệ Phí:** Không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Mẫu đơn đề nghị chấp thuận việc mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam của nhà đầu tư nước ngoài tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 48/2025/TT-NHNN ngày 16/12/2025.

+ Bảng kê khai tình hình sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư nước ngoài tại các tổ chức tín dụng Việt Nam tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 38/2014/TT-NHNN ngày 08/12/2015.

+ Mẫu sơ yếu lý lịch của cá nhân tại Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 48/2025/TT-NHNN ngày 16/12/2025.

- **Yêu cầu, điều kiện:** Không

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15.

+ Thông tư số 38/2014/TT-NHNN ngày 08 tháng 12 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam.

+ *Thông tư số 48/2025/TT-NHNN ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Thông tư trong lĩnh vực quản lý, giám sát ngân hàng liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, thay đổi cơ cấu, tổ chức bộ máy.*

PHỤ LỤC SỐ 01

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN VIỆC MUA CỔ PHẦN CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 48/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Thông tư của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong lĩnh vực quản lý, giám sát ngân hàng liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, thay đổi cơ cấu, tổ chức bộ máy)

- Mục 1. Mẫu đơn đề nghị chấp thuận việc mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam của tổ chức nước ngoài
- Mục 2. Mẫu đơn đề nghị chấp thuận việc mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam của cá nhân nước ngoài

Mục 1. Mẫu đơn đề nghị chấp thuận việc mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam của tổ chức nước ngoài

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN VIỆC MUA CỔ PHẦN CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG VIỆT NAM

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

1. Tổ chức đề nghị mua cổ phần:

- Tên (tên đầy đủ bằng chữ in hoa):
- Số định danh của tổ chức (nếu có).
- Mã số giao dịch chứng khoán: ; Ngày cấp:
- Số Quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh: ; Nơi cấp: ; Ngày cấp:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Số điện thoại: ; Fax:
- Mã số SWIFT:
- Địa chỉ Email:

2. Người đại diện giao dịch tại Việt Nam:

- Họ và tên:
- Số căn cước/Số định danh cá nhân, hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu: ; Nơi cấp: ; Ngày cấp:
- Quốc tịch:
- Địa chỉ thường trú:

3. Người dự kiến được cử làm đại diện ủy quyền của tổ chức tại tổ chức tín dụng Việt Nam:

- Họ và tên:
- Nơi công tác và chức vụ hiện tại:
- Quan hệ với tổ chức:
- Số hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu: ; Nơi cấp: ; Ngày cấp:
- Quốc tịch:
- Địa chỉ thường trú:

4. Tổ chức tín dụng Việt Nam:

- Tên (tên đầy đủ bằng chữ in hoa):
- Số định danh của tổ chức (nếu có):
- Số Quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh: ; Nơi cấp: ; Ngày cấp:

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Số điện thoại: ; Fax:

- Địa chỉ Email:

5. Nội dung đăng ký mua cổ phần:

- Hình thức mua cổ phần:

- Số lượng cổ phần đăng ký mua:

- Số cổ phần, tỷ lệ sở hữu cổ phần so với vốn điều lệ của tổ chức tín dụng ... trước và sau khi mua cổ phần:

- Thời gian giao dịch dự kiến:

6. Cam kết:

Sau khi nghiên cứu Điều lệ tổ chức tín dụng... và các quy định của pháp luật có liên quan, thay mặt... tôi xin cam kết:

a) Mua đủ số cổ phần đã đăng ký;

b) Chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của khoản tiền để mua cổ phần tại tổ chức tín dụng...;

c) Tuân thủ các quy định trong Điều lệ tổ chức tín dụng..., Quy định nội bộ của tổ chức tín dụng... và các quy định của pháp luật có liên quan;

d) Hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của các thông tin đã khai trên đây và những hồ sơ gửi kèm.

Người đại diện theo pháp luật của tổ chức
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Mục 2. Mẫu đơn đề nghị chấp thuận việc mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam của cá nhân nước ngoài

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.... tháng.... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN VIỆC MUA CỔ PHẦN
CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG VIỆT NAM**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

1. Cá nhân đề nghị mua cổ phần:

- Họ và tên: (tên đầy đủ bằng chữ in hoa)
- Số định danh của tổ chức (nếu có):
- Ngày tháng năm sinh:
- Mã số giao dịch chứng khoán: ; Ngày cấp:
- Số hộ chiếu/ Giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu: ; Nơi cấp: ; Ngày cấp:
- Quốc tịch:
- Địa chỉ thường trú:
- Số điện thoại: ; Fax:

- Địa chỉ Email:

- Nơi công tác và chức vụ hiện tại:

2. Người đại diện giao dịch tại Việt Nam:

- Họ và tên:

- Số căn cước/Số định danh cá nhân (hoặc số hộ chiếu/ Giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu): ; Nơi cấp: ; Ngày cấp:

- Quốc tịch:

- Địa chỉ thường trú:

3. Tổ chức tín dụng Việt Nam:

- Tên (tên đầy đủ bằng chữ in hoa):

- Số định danh của tổ chức (nếu có):

- Số Quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh: ; Nơi cấp: ;
Ngày cấp:

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Số điện thoại: ; Fax:

- Địa chỉ Email:

4. Nội dung đăng ký mua cổ phần:

- Hình thức mua cổ phần:

- Số lượng cổ phần đăng ký mua:

- Số cổ phần, tỷ lệ sở hữu cổ phần so với vốn điều lệ của tổ chức tín dụng ... trước và sau khi mua cổ phần:

- Thời gian giao dịch dự kiến:

5. Cam kết:

Sau khi nghiên cứu Điều lệ tổ chức tín dụng... và các quy định của pháp luật có liên quan, thay mặt ... tôi xin cam kết:

a) Mua đủ số cổ phần đã đăng ký;

b) Chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của khoản tiền để mua cổ phần tại tổ chức tín dụng...;

c) Tuân thủ các quy định trong Điều lệ tổ chức tín dụng..., Quy định nội bộ của tổ chức tín dụng... và các quy định của pháp luật có liên quan;

d) Hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của các thông tin đã khai trên đây và những hồ sơ gửi kèm.

Người đề nghị
(Ký, ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC SỐ 02

BẢNG KÊ KHAI VỀ TÌNH HÌNH SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TẠI CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2014/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ngày 08 tháng 12 năm 2014 quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm.....

BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

STT	Người khai và “người có liên quan”	Mối quan hệ với người khai	Đã tham gia góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam	Tỷ lệ sở hữu của tổ chức, cá nhân/vốn điều lệ sau khi mua cổ phần của tổ chức tín dụng...

					(%)
			Tên tổ chức tín dụng Việt Nam	Tỷ lệ sở hữu của tổ chức, cá nhân/vốn điều lệ của tổ chức tín dụng (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1.	Ví dụ: Ông A (Người khai)				
2.	Ví dụ: Vợ Bà B				
3.	Ví dụ: Là công ty do ông A là Chủ tịch HĐQT, Giám đốc ...				
...					
Tổng cộng	(Không điền thông tin vào đây)				...%

Tôi cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của các thông tin đã khai trên đây.

Người khai (7)
(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI THEO MẪU

1. Đối với phần kê khai tại (2): kê khai toàn bộ mối quan hệ “người có liên quan”.

2. Đối với phần kê khai tại (3): Ghi rõ mối quan hệ với người khai.
3. Đối với phần kê khai tại (4): Ghi rõ tên các tổ chức tín dụng Việt Nam đã tham gia góp vốn, mua cổ phần.
4. Đối với phần kê khai tại (7): Nếu là tổ chức, người ký tên người khai là đại diện theo pháp luật của tổ chức.

PHỤ LỤC SỐ 03

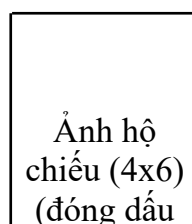
MẪU SƠ YẾU LÝ LỊCH CỦA CÁ NHÂN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 48/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Thông tư của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong lĩnh vực quản lý, giám sát ngân hàng liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, thay đổi cơ cấu, tổ chức bộ máy)

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Về bản thân

- Họ và tên khai sinh:
- Họ và tên thường gọi:



- Bí danh:

giáp lai)

- Ngày tháng năm sinh:

- Nơi sinh:

- Quốc tịch (các quốc tịch hiện có):

- Địa chỉ thường trú:

- Số hộ chiếu/ Giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu: ; Nơi cấp ; Ngày cấp:

2. *Trình độ học vấn:*

3. *Quá trình công tác:*

Nêu rõ nghề nghiệp, đơn vị công tác và chức vụ đảm nhiệm từ năm 18 tuổi đến nay (đảm bảo tính liên tục về mặt thời gian).

4. *Cam kết trước pháp luật:*

Tôi , cam kết những lời khai trên là đúng sự thật. Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này.

....., ngày ... tháng ... năm ...

Chữ ký và họ tên đầy đủ của người khai

....., ngày ... tháng ... năm ...

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
(cơ quan nơi cá nhân đó đang làm việc;
cơ quan quản lý, theo dõi lý lịch cá nhân...)

4. Thủ tục nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần và trở thành nhà đầu tư chiến lược nước ngoài của tổ chức tín dụng Việt Nam (mã TTHC: 1.002281)

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Tổ chức tín dụng Việt Nam (đối với trường hợp mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán) hoặc nhà đầu tư nước ngoài (đối với trường hợp tổ chức tín dụng Việt Nam đã niêm yết, đã đăng ký giao dịch cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán) lập hồ sơ theo quy định gửi Ngân hàng Nhà nước đề nghị chấp thuận việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam.

+ Bước 2: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản xác nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, trường hợp

hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu bổ sung. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ bổ sung, Ngân hàng Nhà nước có văn bản xác nhận về việc nhận đủ hồ sơ bổ sung.

+ Bước 3: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước xem xét chấp thuận hoặc không chấp thuận bằng văn bản việc mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài. Trường hợp không chấp thuận, văn bản của Ngân hàng Nhà nước phải nêu rõ lý do

- Cách thức thực hiện:

- + Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước;
- + Gửi qua dịch vụ bưu chính;
- + Nộp trực tuyến qua Công dịch vụ công quốc gia.

- Thành phần hồ sơ:

a) Đối với tổ chức tín dụng Việt Nam đã niêm yết, đã đăng ký giao dịch cổ phiếu:

+ Đơn đề nghị chấp thuận việc mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam theo mẫu quy định tại Phụ lục số 01 Thông tư số 48/2025/TT-NHNN ngày 16/12/2025.

+ Bản sao văn bản cấp Mã số Giao dịch chứng khoán do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp cho nhà đầu tư nước ngoài.

+ *Văn bản xác nhận của ngân hàng mở tài khoản cho nhà đầu tư nước ngoài về số dư tiền gửi của nhà đầu tư nước ngoài hoặc tài liệu khác chứng minh nhà đầu tư nước ngoài có đủ nguồn tài chính hợp pháp để mua cổ phần.*

+ Bảng kê khai về tình hình sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư nước ngoài tại các tổ chức tín dụng Việt Nam tính đến thời điểm nộp hồ sơ theo mẫu quy định tại Phụ lục số 02 Thông tư số 38/2014/TT-NHNN ngày 08/12/2014 (đã được sửa đổi, bổ sung).

+ *Lý lịch tự khai theo mẫu quy định tại Phụ lục số 03 Thông tư số 48/2025/TT-NHNN ngày 16/12/2025, bản sao hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu của nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân, của người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư nước ngoài và người được ủy quyền đại diện phần vốn của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức tại tổ chức tín dụng Việt Nam.*

+ Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài ủy quyền cho người đại diện giao dịch tại Việt Nam thực hiện mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam, hồ sơ bổ sung các thành phần sau: (i) Hợp đồng ủy quyền, hợp đồng ủy thác, hợp đồng chỉ định đầu tư hoặc các hình thức văn bản khác phù hợp với quy định của pháp luật giữa nhà đầu tư nước ngoài và người đại diện giao dịch tại Việt Nam; (ii) Văn bản xác nhận của Ủy ban chứng khoán Nhà nước về người đại diện giao dịch hoặc thay đổi người đại diện giao dịch tại Việt Nam (nếu có) của nhà đầu tư nước ngoài.

+ Trường hợp tổ chức tín dụng Việt Nam phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư nước ngoài để tăng vốn điều lệ, hồ sơ bổ sung các thành phần sau: (i) Giấy đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo quy định; (ii) Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông của tổ chức tín dụng Việt Nam phê duyệt về chủ trương phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ và phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán; (iii) Văn bản thỏa thuận mua bán cổ phần giữa tổ chức tín dụng Việt Nam và nhà đầu tư nước ngoài; (iv) Văn bản chấp thuận của Ngân hàng nhà nước về việc tăng vốn điều lệ và phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư nước ngoài.

+ Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức, hồ sơ bổ sung các thành phần hồ sơ sau: (i) Quyết định của cấp có thẩm quyền của nhà đầu tư nước ngoài về việc mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam; (ii) Bản sao Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc văn bản tương đương của nhà đầu tư nước ngoài; (iii) Điều lệ hoặc văn bản pháp lý khác có quy định về người đại diện theo pháp luật trong trường hợp người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư nước ngoài không phải là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc).

+ Văn bản hoặc tài liệu của tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế về kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất với thời điểm nộp hồ sơ đối với tổ chức nước ngoài.

+ Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nguyên xứ cung cấp thông tin về tình hình tuân thủ pháp luật về lĩnh vực tiền tệ, hoạt động ngân hàng, chứng khoán và thị trường chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài tại nước nơi nhà đầu tư nước ngoài đặt trụ sở chính trong thời hạn 12 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ.

+ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán độc lập của năm liền kề trước năm nộp hồ sơ.

+ Báo cáo tóm tắt về lịch sử hình thành, phát triển của nhà đầu tư nước ngoài.

+ Văn bản thỏa thuận hợp tác giữa nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức tín dụng Việt Nam bao gồm tối thiểu các nội dung sau: (i) Cam kết sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên của tổ chức tín dụng Việt Nam tại thời điểm nộp hồ sơ trong trường hợp nhà đầu tư nước ngoài chưa sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên của tổ chức tín dụng Việt Nam mà tổ chức nước ngoài đề nghị mua cổ phần và trở thành nhà đầu tư chiến lược; (ii) Cam kết về việc gắn bó lợi ích lâu dài với tổ chức tín dụng Việt Nam, hỗ trợ tổ chức tín dụng Việt Nam trong việc áp dụng công nghệ hiện đại; phát triển sản phẩm, dịch vụ ngân hàng; nâng cao năng lực quản trị, điều hành; (iii) Kế hoạch hỗ trợ tổ chức tín dụng Việt Nam trong việc áp dụng công nghệ hiện đại; phát triển sản phẩm, dịch vụ ngân hàng; nâng cao năng lực quản trị điều hành, tối thiểu bao gồm các nội dung sau: Nội dung chi tiết và lộ trình thực hiện đối với từng biện pháp hỗ trợ cụ thể; Quyền, nghĩa vụ của nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức tín dụng Việt Nam.

+ Bảng liệt kê danh mục hồ sơ.

b) Đối với trường hợp nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam:

(i) Thành phần hồ sơ do tổ chức tín dụng Việt Nam lập gồm:

+ Văn bản của tổ chức tín dụng Việt Nam đề nghị chấp thuận việc mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài;

+ Danh sách và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài của tổ chức tín dụng Việt Nam trước và sau khi chuyển nhượng cổ phần;

+ Trong trường hợp tổ chức tín dụng Việt Nam phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư nước ngoài để tăng vốn điều lệ, hồ sơ cần phải bổ sung các thành phần hồ sơ quy định tại: Giấy đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo quy định; Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông của tổ chức tín dụng Việt Nam phê duyệt về chủ trương phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ và phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán; Văn bản thỏa thuận mua bán cổ phần giữa tổ chức tín dụng Việt Nam và nhà đầu tư nước ngoài; Văn bản chấp thuận của Ngân hàng nhà nước về việc tăng vốn điều lệ và phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư nước ngoài;

(ii) Thành phần hồ sơ do nhà đầu tư nước ngoài lập gồm:

+ Đơn đề nghị chấp thuận việc mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam theo mẫu quy định tại Phụ lục số 01 Thông tư số 48/2025/TT-NHNN ngày 16/12/2025;

+ Bản sao văn bản cấp Mã số Giao dịch chứng khoán do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp cho nhà đầu tư nước ngoài;

+ *Văn bản xác nhận của ngân hàng mở tài khoản cho nhà đầu tư nước ngoài về số dư tiền gửi của nhà đầu tư nước ngoài hoặc tài liệu khác chứng minh nhà đầu tư nước ngoài có đủ nguồn tài chính hợp pháp để mua cổ phần;*

+ Bảng kê khai về tình hình sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư nước ngoài tại các tổ chức tín dụng Việt Nam tính đến thời điểm nộp hồ sơ theo mẫu quy định tại Phụ lục số 02 Thông tư số 38/2014/TT-NHNN ngày 08/12/2014 (đã được sửa đổi, bổ sung);

+ *Lý lịch tự khai theo mẫu quy định tại Phụ lục số 03 Thông tư số 48/2025/TT-NHNN ngày 16/12/2025, bản sao hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu của nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân, của người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư nước ngoài và người được ủy quyền đại diện phần vốn của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức tại tổ chức tín dụng Việt Nam;*

+ Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài ủy quyền cho người đại diện giao dịch tại Việt Nam thực hiện mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam, hồ sơ bổ sung các thành phần sau: Hợp đồng ủy quyền, hợp đồng ủy thác, hợp đồng chỉ định đầu tư hoặc các hình thức văn bản khác phù hợp với quy định của pháp luật

giữa nhà đầu tư nước ngoài và người đại diện giao dịch tại Việt Nam; Văn bản xác nhận của Ủy ban chứng khoán Nhà nước về người đại diện giao dịch hoặc thay đổi người đại diện giao dịch tại Việt Nam (nếu có) của nhà đầu tư nước ngoài;

+ Quyết định của cấp có thẩm quyền của nhà đầu tư nước ngoài về việc mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam; Bản sao Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc văn bản tương đương của nhà đầu tư nước ngoài; Điều lệ hoặc văn bản pháp lý khác có quy định về người đại diện theo pháp luật trong trường hợp người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư nước ngoài không phải là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc);

+ Văn bản thỏa thuận về việc chuyển nhượng cổ phần giữa các bên trong trường hợp nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của cổ đông của tổ chức tín dụng Việt Nam;

+ Báo cáo tóm tắt về lịch sử hình thành, phát triển của nhà đầu tư nước ngoài.

+ Văn bản thỏa thuận hợp tác giữa nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức tín dụng Việt Nam bao gồm tối thiểu các nội dung sau: (i) Cam kết sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên của tổ chức tín dụng Việt Nam tại thời điểm nộp hồ sơ trong trường hợp nhà đầu tư nước ngoài chưa sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên của tổ chức tín dụng Việt Nam mà tổ chức nước ngoài đề nghị mua cổ phần và trở thành nhà đầu tư chiến lược; (ii) Cam kết về việc gắn bó lợi ích lâu dài với tổ chức tín dụng Việt Nam, hỗ trợ tổ chức tín dụng Việt Nam trong việc áp dụng công nghệ hiện đại; phát triển sản phẩm, dịch vụ ngân hàng; nâng cao năng lực quản trị, điều hành; (iii) Kế hoạch hỗ trợ tổ chức tín dụng Việt Nam trong việc áp dụng công nghệ hiện đại; phát triển sản phẩm, dịch vụ ngân hàng; nâng cao năng lực quản trị điều hành, tối thiểu bao gồm các nội dung sau: Nội dung chi tiết và lộ trình thực hiện đối với từng biện pháp hỗ trợ cụ thể; Quyền, nghĩa vụ của nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức tín dụng Việt Nam.

+ Bảng liệt kê danh mục.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

- **Thời gian giải quyết:** 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức tín dụng Việt Nam, nhà đầu tư nước ngoài.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận việc mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài.

- **Lệ Phí:** Không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Mẫu đơn đề nghị chấp thuận việc mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam của nhà đầu tư nước ngoài tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 48/2025/TT-NHNN ngày 16/12/2025.

+ Bảng kê khai tình hình sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư nước ngoài tại các tổ chức tín dụng Việt Nam tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 38/2014/TT-NHNN ngày 08/12/2015.

+ Mẫu sơ yếu lý lịch của cá nhân tại Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 48/2025/TT-NHNN ngày 16/12/2025.

- Yêu cầu, điều kiện: Không

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15.

+ Thông tư số 38/2014/TT-NHNN ngày 08 tháng 12 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam.

+ Thông tư số 48/2025/TT-NHNN ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Thông tư trong lĩnh vực quản lý, giám sát ngân hàng liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, thay đổi cơ cấu, tổ chức bộ máy.

PHỤ LỤC SỐ 01

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN VIỆC MUA CỔ PHẦN CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 48/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Thông tư của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong lĩnh vực quản lý, giám sát ngân hàng liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, thay đổi cơ cấu, tổ chức bộ máy)

- Mục 1. Mẫu đơn đề nghị chấp thuận việc mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam của tổ chức nước ngoài

- Mục 2. Mẫu đơn đề nghị chấp thuận việc mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam của cá nhân nước ngoài

Mục 1. Mẫu đơn đề nghị chấp thuận việc mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam của tổ chức nước ngoài

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN VIỆC MUA CỔ PHẦN
CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG VIỆT NAM

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

1. Tổ chức đề nghị mua cổ phần:

- Tên (tên đầy đủ bằng chữ in hoa):
- Số định danh của tổ chức (nếu có).
- Mã số giao dịch chứng khoán: ; Ngày cấp:
- Số Quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh: ; Nơi cấp: ; Ngày cấp:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Số điện thoại: ; Fax:
- Mã số SWIFT:
- Địa chỉ Email:

2. Người đại diện giao dịch tại Việt Nam:

- Họ và tên:
- Số căn cước/Số định danh cá nhân, hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu: ; Nơi cấp: ; Ngày cấp:
- Quốc tịch:
- Địa chỉ thường trú:

3. Người dự kiến được cử làm đại diện ủy quyền của tổ chức tại tổ chức tín dụng Việt Nam:

- Họ và tên:
- Nơi công tác và chức vụ hiện tại:
- Quan hệ với tổ chức:

- Số hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu: ; Nơi cấp: ; Ngày cấp:

- Quốc tịch:

- Địa chỉ thường trú:

4. Tổ chức tín dụng Việt Nam:

- Tên (tên đầy đủ bằng chữ in hoa):

- Số định danh của tổ chức (nếu có):

- Số Quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh: ; Nơi cấp: ; Ngày cấp:

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Số điện thoại: ; Fax:

- Địa chỉ Email:

5. Nội dung đăng ký mua cổ phần:

- Hình thức mua cổ phần:

- Số lượng cổ phần đăng ký mua:

- Số cổ phần, tỷ lệ sở hữu cổ phần so với vốn điều lệ của tổ chức tín dụng ... trước và sau khi mua cổ phần:

- Thời gian giao dịch dự kiến:

6. Cam kết:

Sau khi nghiên cứu Điều lệ tổ chức tín dụng... và các quy định của pháp luật có liên quan, thay mặt... tôi xin cam kết:

a) Mua đủ số cổ phần đã đăng ký;

b) Chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của khoản tiền để mua cổ phần tại tổ chức tín dụng...;

c) Tuân thủ các quy định trong Điều lệ tổ chức tín dụng..., Quy định nội bộ của tổ chức tín dụng... và các quy định của pháp luật có liên quan;

d) Hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của các thông tin đã khai trên đây và những hồ sơ gửi kèm.

Người đại diện theo pháp luật của tổ chức
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Mục 2. Mẫu đơn đề nghị chấp thuận việc mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam của cá nhân nước ngoài

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN VIỆC MUA CỔ PHẦN
CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG VIỆT NAM

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

1. Cá nhân đề nghị mua cổ phần:

- Họ và tên: (tên đầy đủ bằng chữ in hoa)
- Số định danh của tổ chức (nếu có):
- Ngày tháng năm sinh:
- Mã số giao dịch chứng khoán: ; Ngày cấp:
- Số hộ chiếu/ Giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu: ; Nơi cấp: ; Ngày cấp:
- Quốc tịch:
- Địa chỉ thường trú:
- Số điện thoại: ; Fax:
- Địa chỉ Email:
- Nơi công tác và chức vụ hiện tại:

2. Người đại diện giao dịch tại Việt Nam:

- Họ và tên:
- Số căn cước/Số định danh cá nhân (hoặc số hộ chiếu/ Giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu): ; Nơi cấp: ; Ngày cấp:
- Quốc tịch:
- Địa chỉ thường trú:

3. Tổ chức tín dụng Việt Nam:

- Tên (tên đầy đủ bằng chữ in hoa):
- Số định danh của tổ chức (nếu có):
- Số Quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh: ; Nơi cấp: ; Ngày cấp:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Số điện thoại: ; Fax:
- Địa chỉ Email:

4. Nội dung đăng ký mua cổ phần:

- Hình thức mua cổ phần:
- Số lượng cổ phần đăng ký mua:

- Số cổ phần, tỷ lệ sở hữu cổ phần so với vốn điều lệ của tổ chức tín dụng ... trước và sau khi mua cổ phần:

- Thời gian giao dịch dự kiến:

5. Cam kết:

Sau khi nghiên cứu Điều lệ tổ chức tín dụng... và các quy định của pháp luật có liên quan, thay mặt ... tôi xin cam kết:

a) Mua đủ số cổ phần đã đăng ký;

b) Chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của khoản tiền để mua cổ phần tại tổ chức tín dụng...;

c) Tuân thủ các quy định trong Điều lệ tổ chức tín dụng..., Quy định nội bộ của tổ chức tín dụng... và các quy định của pháp luật có liên quan;

d) Hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của các thông tin đã khai trên đây và những hồ sơ gửi kèm.

Người đề nghị
(Ký, ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC SỐ 02

BẢNG KÊ KHAI VỀ TÌNH HÌNH SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TẠI CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2014/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ngày 08 tháng 12 năm 2014 quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm.....

BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

STT	Người khai và “người có liên quan”	Mối quan hệ với người khai	Đã tham gia góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam		Tỷ lệ sở hữu của tổ chức, cá nhân/vốn điều lệ sau khi mua cổ phần của tổ chức tín dụng... (%)
			Tên tổ chức tín dụng Việt Nam	Tỷ lệ sở hữu của tổ chức, cá nhân/vốn điều lệ của tổ chức tín dụng (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1.	Ví dụ: Ông A (Người khai)				
2.	Ví dụ: Bà B	Vợ			
3.	Ví dụ: Công ty X	Là công ty do ông A là Chủ tịch HĐQT, Giám đốc ...			
...					
Tổng cộng	(Không điền thông tin vào đây)				...%

Tôi cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của các thông tin đã khai trên đây.

Người khai (7)
(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI THEO MẪU

1. Đối với phần kê khai tại (2): kê khai toàn bộ mối quan hệ “người có liên quan”.
2. Đối với phần kê khai tại (3): Ghi rõ mối quan hệ với người khai.
3. Đối với phần kê khai tại (4): Ghi rõ tên các tổ chức tín dụng Việt Nam đã tham gia góp vốn, mua cổ phần.
4. Đối với phần kê khai tại (7): Nếu là tổ chức, người ký tên người khai là đại diện theo pháp luật của tổ chức.

MẪU SƠ YẾU LÝ LỊCH CỦA CÁ NHÂN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 48/2025/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Thông tư của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong lĩnh vực quản lý, giám sát ngân hàng liên quan đến cất giữ, đơn giản hóa thủ tục hành chính, thay đổi cơ cấu, tổ chức bộ máy)

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Về bản thân

- Họ và tên khai sinh:
- Họ và tên thường gọi:
- Bí danh:
- Ngày tháng năm sinh:
- Nơi sinh:
- Quốc tịch (các quốc tịch hiện có):
- Địa chỉ thường trú:
- Số hộ chiếu/ Giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu: ; Nơi cấp ; Ngày cấp:

Ảnh hộ
chiếu (4x6)
(đóng dấu
giáp lai)

2. Trình độ học vấn:

3. Quá trình công tác:

Nêu rõ nghề nghiệp, đơn vị công tác và chức vụ đảm nhiệm từ năm 18 tuổi đến nay (đảm bảo tính liên tục về mặt thời gian).

4. Cam kết trước pháp luật:

Tôi , cam kết những lời khai trên là đúng sự thật. Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này.

....., ngày ... tháng ... năm ...

**Chữ ký và họ tên đầy đủ của người
khai**

....., ngày ... tháng ... năm ...

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
*(cơ quan nơi cá nhân đó đang làm việc;
cơ quan quản lý, theo dõi lý lịch cá
nhân...)*

B. Thủ tục hành chính thực hiện tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng Nhà nước Khu vực

1. Thủ tục chấp thuận dự kiến nhân sự bổ nhiệm Tổng giám đốc (Giám đốc) của chi nhánh ngân hàng nước ngoài (mã TTHC: 1.003151)

- Trình tự thực hiện

+ **Bước 1:** Chi nhánh ngân hàng nước ngoài lập 01 bộ hồ sơ theo quy định gửi Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực theo thẩm quyền quy định tại Điều 4 Thông tư số 20/2025/TT-NHNN ngày 31/7/2025.

+ **Bước 2:** Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có văn bản yêu cầu chi nhánh ngân hàng nước ngoài bổ sung hồ sơ.

+ **Bước 3:** Chi nhánh ngân hàng nước ngoài bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực trong thời hạn tối đa 45 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ. Quá thời hạn này, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải nộp lại bộ hồ sơ theo quy định để Ngân hàng Nhà nước xem xét, chấp thuận.

+ **Bước 4:** Trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định, Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận dự kiến nhân sự bổ nhiệm Tổng giám đốc (Giám đốc) của chi nhánh ngân hàng nước ngoài (Trường hợp không chấp thuận, văn bản trả lời chi nhánh ngân hàng nước ngoài của phải nêu rõ lý do).

- Cách thức thực hiện

- + Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước.
- + Gửi qua dịch vụ bưu chính.
- + Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Thành phần hồ sơ

1. Văn bản của chi nhánh ngân hàng nước ngoài đề nghị Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực chấp thuận dự kiến nhân sự bổ nhiệm Tổng giám đốc (Giám đốc) chi nhánh tại Việt Nam do Tổng giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài ký. Trường hợp Tổng giám đốc (Giám đốc) ủy quyền cho người khác ký, hồ sơ phải có văn bản ủy quyền được lập phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp chi nhánh ngân hàng nước ngoài khuyết Tổng giám đốc (Giám đốc), đại diện có thẩm quyền của ngân hàng nước ngoài ký văn bản đề nghị, trong đó tối thiểu phải có các nội dung sau:

a) Lý do của việc bổ nhiệm Tổng Giám đốc (Giám đốc) của chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

b) Họ và tên; chức danh và đơn vị công tác hiện tại; số căn cước hoặc số định danh cá nhân (đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam), số định danh cá nhân (đối với người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận căn cước theo pháp luật về căn cước), số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam) của Tổng giám đốc (Giám đốc) dự kiến được bổ nhiệm;

c) Đánh giá về việc Tổng giám đốc (Giám đốc) dự kiến được bổ nhiệm đảm bảo đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng, trong đó đánh giá cụ thể việc đáp ứng đối với từng điều kiện.

2. Văn bản của đại diện có thẩm quyền của ngân hàng nước ngoài thông qua việc dự kiến bổ nhiệm Tổng giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam.

3. Lý lịch cá nhân của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm theo mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 20/2025/TT-NHNN ngày 31/7/2025.

4. Phiếu lý lịch tư pháp của nhân sự dự kiến bổ nhiệm:

a) Đối với nhân sự dự kiến có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp, trong đó phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa) và thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã;

b) Đối với nhân sự dự kiến không có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã) phải được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp theo quy định. Trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã thì ngân hàng nước ngoài phải có văn bản giải trình về việc không có cơ quan có thẩm quyền của nước cấp lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương cung cấp thông tin này và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc nhân sự dự kiến không thuộc các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng;

c) Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 8 Thông tư số 20/2025/TT-NHNN phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm chi nhánh ngân hàng nước ngoài nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự không quá 06 tháng.

Nhân sự dự kiến được xuất trình Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID hoặc nộp Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử theo quy định của pháp luật.

5. Bản kê khai người có liên quan theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm theo mẫu Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 20/2025/TT-NHNN ngày 31/7/2025.

6. Bản sao các văn bằng, chứng chỉ chứng minh trình độ chuyên môn của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm, trong đó văn bằng của người có quốc tịch Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận theo quy định của pháp luật có liên quan.

7. Các tài liệu chứng minh việc đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện đối với nhân sự dự kiến giữ chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc) của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng quy định tại điểm c khoản 4 Điều 41 Luật Các tổ chức tín dụng, cụ thể:

a) Đối với điều kiện “có ít nhất 05 năm làm người điều hành tổ chức tín dụng”: Văn bản của người đại diện có thẩm quyền của tổ chức tín dụng nơi nhân sự dự kiến đã hoặc đang làm việc xác nhận chức vụ và thời gian đảm nhiệm chức vụ của nhân sự dự kiến hoặc bản sao văn bản chứng minh chức vụ và thời gian đảm nhiệm chức vụ tại tổ chức tín dụng của nhân sự dự kiến.

b) Đối với điều kiện “có ít nhất 5 năm là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 5 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán”:

(i) Bản sao các báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập của doanh nghiệp nơi nhân sự dự kiến đã hoặc đang giữ chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc). Trường hợp doanh nghiệp không thuộc đối tượng phải thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính hằng năm thì phải cung cấp báo cáo tài chính đã nộp cho cơ quan thuế theo quy định của pháp luật;

(ii) Văn bản của người đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp nơi nhân sự dự kiến đã hoặc đang làm việc xác nhận chức vụ và thời gian đảm nhiệm chức vụ của nhân sự dự kiến hoặc bản sao văn bản chứng minh chức vụ và thời gian đảm nhiệm chức vụ tại doanh nghiệp của nhân sự dự kiến;

(iii) Văn bản của người đại diện có thẩm quyền của đơn vị nơi nhân sự dự kiến đã hoặc đang làm việc xác nhận nhân sự dự kiến làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán và thời gian nhân sự dự kiến làm việc tại lĩnh vực này hoặc bản sao các văn bản chứng minh lĩnh vực công tác, thời gian đảm nhận nhiệm vụ của nhân sự dự kiến tại lĩnh vực này.

c) Đối với điều kiện “có ít nhất 10 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán”: Văn bản của người đại diện có thẩm quyền của đơn vị nơi nhân sự dự kiến đã hoặc đang làm việc xác nhận nhân sự dự kiến làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán và thời gian nhân sự dự kiến làm việc tại lĩnh vực này hoặc bản sao các văn bản chứng minh lĩnh vực công tác, thời gian đảm nhận nhiệm vụ của nhân sự dự kiến tại lĩnh vực này.

8. Đối với nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm thuộc trường hợp ngoại lệ quy định tại điểm c khoản 1, điểm đ, e khoản 2 Điều 42 Luật Các tổ chức tín dụng: Văn bản của cơ quan có thẩm quyền cử nhân sự dự kiến làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại tổ chức tín dụng; cử, chỉ định, bổ nhiệm nhân sự dự kiến tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát tổ chức tín dụng hoặc tổ chức tín dụng bị tuyên bố phá sản theo yêu cầu nhiệm vụ.

9. Tài liệu chứng minh việc đáp ứng “có đạo đức nghề nghiệp”:

a) Nội dung đánh giá và cam kết của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm về việc đáp ứng “có đạo đức nghề nghiệp” quy định tại Điều 6 theo mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 20/2025/TT-NHNN ngày 31/7/2025;

b) Văn bản đánh giá của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi nhân sự dự kiến đã từng công tác theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 20/2025/TT-NHNN ngày 31/7/2025, ngoại trừ tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã giải thể, phá sản, hợp nhất, bị sáp nhập.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 (một) bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng) hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận dự kiến nhân sự bổ nhiệm Tổng giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

- **Phí, lệ phí:** Không

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Mẫu sơ yếu lý lịch theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 20/2025/TT-NHNN ngày 31/7/2025.

+ Bảng kê khai người có liên quan theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 20/2025/TT-NHNN ngày 31/7/2025.

+ Văn bản đánh giá của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi nhân sự dự kiến đã từng công tác theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 20/2025/TT-NHNN ngày 31/7/2025.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Nhân sự dự kiến bổ nhiệm Tổng giám đốc (Giám đốc) của chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải tuân thủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024, cụ thể:

a) Tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 41 Luật Các tổ chức tín dụng;

b) Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;

c) Có một trong các điều kiện sau đây: có ít nhất 05 năm là người điều hành tổ chức tín dụng; có ít nhất 05 năm là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 10 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;

d) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15.

+ Thông tư số 20/2025/TT-NHNN ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về hồ sơ, thủ tục chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

+ *Thông tư số 48/2025/TT-NHNN ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Thông tư trong lĩnh vực quản lý, giám sát ngân hàng liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, thay đổi cơ cấu, tổ chức bộ máy.*

(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2025/TT-NHNN ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh màu
(4 x 6)

SƠ YẾU LÝ LỊCH⁽¹⁾

1. Về bản thân

- Họ và tên khai sinh.
- Họ và tên thường gọi.
- Bí danh.
- Ngày, tháng, năm sinh.

- Số căn cước hoặc số định danh cá nhân, nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú, tạm trú) đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam hoặc số định danh cá nhân đối với người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận căn cước theo pháp luật về căn cước.

- Số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, quốc tịch/các quốc tịch (nếu có), nơi ở hiện tại đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam.

- Tên, địa chỉ của pháp nhân mà mình đại diện, tỷ lệ vốn góp được đại diện (trường hợp là người đại diện phần vốn góp của cổ đông hoặc thành viên góp vốn là pháp nhân hoặc là người được cử làm đại diện phần vốn góp của Nhà nước tại tổ chức tín dụng).

2. Trình độ học vấn

- Giáo dục phổ thông.
- Học hàm, học vị (nêu rõ tên, địa chỉ trường; chuyên ngành học; thời gian học; bằng cấp (liệt kê đầy đủ các bằng cấp)).

3. Quá trình công tác

- Nghề nghiệp, đơn vị, chức vụ công tác từ năm 18 tuổi đến nay ⁽²⁾.

STT	Thời gian (từ tháng/năm đến tháng/năm) ⁽³⁾	Đơn vị công tác	Chức vụ ⁽⁴⁾	Lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp và nhiệm vụ được giao	Ghi chú ⁽⁵⁾
	...				

- Khen thưởng, kỷ luật, trách nhiệm theo kết luận thanh tra, kiểm tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính⁽⁶⁾.

4. Năng lực hành vi dân sự⁽⁷⁾

5. Thông tin về đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã (đối với trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có thông tin này).

6. Cam kết trước pháp luật

Tôi cam kết:

- Đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện để giữ chức danh..... tại ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Trong đó, tôi cam kết tuân thủ về việc có đạo đức nghề nghiệp theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 20/2025/TT-NHNN ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về hồ sơ, thủ tục chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và tổ chức tín dụng phi ngân hàng trong quá trình công tác tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (nếu có) và tuân thủ các quy định về quy tắc, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của tổ chức tín dụng nước ngoài (nếu có) nơi tôi từng công tác.

- Không vi phạm các quy định của pháp luật trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

- Thông báo cho ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài về bất kỳ thay đổi nào liên quan đến nội dung bản khai này phát sinh trong thời gian Ngân hàng Nhà nước đang xem xét đề nghị của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

- Các thông tin cá nhân Tôi cung cấp cho ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài để trình Ngân hàng Nhà nước xem xét, chấp thuận dự kiến nhân sự là đúng sự thật. Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, trung thực, chính xác của các thông tin kê khai nêu trên./.

...., ngày... tháng... năm...

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)⁽⁸⁾

Ghi chú:

1. Người khai phải kê khai đầy đủ thông tin theo yêu cầu và chịu trách nhiệm trước pháp luật và ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của hồ sơ, trường hợp không phát sinh thì ghi rõ không có.
2. Người khai phải kê khai đầy đủ công việc, đơn vị công tác, các chức vụ đã và đang nắm giữ.
3. Phải đảm bảo tính liên tục về mặt thời gian.
4. Nêu rõ nếu nhân sự dự kiến là người quản lý, người điều hành theo quy định của pháp luật và Điều lệ hoặc quy định nội bộ của tổ chức tín dụng, doanh nghiệp, đồng thời ghi rõ mã số thuế/mã số doanh nghiệp của doanh nghiệp nơi nhân sự dự kiến là người quản lý.
5. Ghi chú nếu đơn vị công tác thuộc các trường hợp sau:
 - a) Công ty con của tổ chức tín dụng;
 - b) Doanh nghiệp mà Nhà nước sở hữu từ 50% vốn điều lệ trở lên;
 - c) Đơn vị theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 42 Luật Các tổ chức tín dụng;
 - d) Đơn vị theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 42 Luật Các tổ chức tín dụng (Ghi cụ thể tên đơn vị và thời điểm bị tuyên bố phá sản, chức vụ và thời gian đảm nhiệm chức vụ của nhân sự dự kiến);
6. Ghi cụ thể nếu nhân sự thuộc trường hợp nêu tại điểm d, g khoản 1 Điều 42 Luật Các tổ chức tín dụng.
7. Ghi cụ thể: đầy đủ/hạn chế/mất năng lực hành vi dân sự.
8. Chữ ký phải được chứng thực theo quy định của pháp luật.

Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2025/TT-NHNN ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

STT	Người khai và “người có liên quan” của người khai	Mối quan hệ với người khai ⁽¹⁾	Số căn cước/số định danh cá nhân (đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam) hoặc số định danh cá nhân (đối với người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận căn cước theo pháp luật về căn cước) hoặc số hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu, ngày cấp (đối với cá nhân không có quốc tịch Việt Nam) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Mã số thuế hoặc Giấy chứng nhận tương đương (đối với trường hợp người có liên quan là tổ chức ghi thông tin mã số doanh nghiệp).	Chức vụ tại tổ chức tín dụng đề nghị	Chức vụ tại Công ty con của tổ chức tín dụng đề nghị	Tỷ lệ sở hữu cổ phần hoặc tỷ lệ vốn góp đại diện tại tổ chức tín dụng đề nghị (%)	...
1	Nguyễn Văn A	Người khai					
2	Nguyễn Thị B	Vợ					
	...						

Tôi cam kết các thông tin cung cấp trên đây là đúng sự thật. Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, trung thực, chính xác của các thông tin kê khai nêu trên./.

...., ngày... tháng... năm...

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)⁽²⁾

Ghi chú:

1. Căn cứ mối quan hệ thực tế của người có liên quan tại cột (2) thuộc trường hợp cụ thể theo quy định tại khoản 24 Điều 4, khoản 3 Điều 69 Luật Các tổ chức tín dụng để điền vào cột này. Người khai phải kê khai đầy đủ thông tin theo yêu cầu và chịu trách nhiệm trước pháp luật và ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của hồ sơ, trường hợp không phát sinh thì ghi rõ không có, trường hợp người có liên quan đã mất ghi rõ đã mất.

2. Chữ ký phải được chứng thực theo quy định của pháp luật.

Phụ lục IV

(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2025/TT-NHNN ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

**TÊN TỔ CHỨC TÍN
DỤNG, CHI NHÁNH
NGÂN HÀNG NƯỚC
NGOÀI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày.... tháng.... năm.....

**VĂN BẢN ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CHUẨN MỰC ĐẠO ĐỨC
NGHỀ NGHIỆP ĐỐI VỚI NHÂN SỰ THUỘC QUẢN LÝ CỦA TỔ
CHỨC TÍN DỤNG, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI**

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

- Căn cứ Thông tư số 20/2025/TT-NHNN ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về hồ sơ, thủ tục chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

- Căn cứ Thông tư số..... ngày..... của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ...

(Tên Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) cung cấp thông tin về việc thực hiện chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong quá trình công tác tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài của Ông/Bà như sau:

I. Thông tin về nhân sự

1. Họ và tên nhân sự.

Ngày, tháng, năm sinh.

2. Thời gian công tác: từ tháng/năm đến tháng/năm.

3. Vị trí công tác, nhiệm vụ được giao: thời gian từ tháng/năm đến tháng/năm (Nêu rõ nếu là người quản lý, người điều hành)

...

II. Thông tin về việc thực hiện chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp

1. Thông tin chi tiết theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 20/2025/TT-NHNN ngày 31/7/2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về hồ sơ, thủ tục chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

2. Nhân sự đáp ứng/không đáp ứng chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp.

Trường hợp không đáp ứng, nêu rõ hành vi, thời gian và biện pháp xử lý.

III. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các thông tin cung cấp tại văn bản này./.

**Người đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng,
chi nhánh ngân hàng nước ngoài**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

Văn bản này được sử dụng lại khi làm hồ sơ đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự tại các ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác.

2. Thủ tục thu hồi Giấy phép đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại điểm d khoản 1 Điều 1 Thông tư 63/2024/TT-NHNN (mã TTHC: 1.009183)

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện

(i) Thuê doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá theo quy định của pháp luật về thẩm định giá để thực hiện thẩm định giá tài sản, xác định giá trị vốn chủ sở hữu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật của năm liền kề trước năm đề nghị giải thể và quý gần nhất trước thời điểm đề nghị giải thể;

(ii) Xây dựng phương án thanh lý tài sản theo quy định và trên cơ sở kết quả thẩm định giá tài sản, xác định giá trị vốn chủ sở hữu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định;

(iii) Lập 01 bộ hồ sơ theo quy định và gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh theo thẩm quyền.

Bước 2: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi lấy ý kiến cơ quan, đơn vị có liên quan. Thời hạn lấy ý kiến là 15 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi lấy ý kiến.

Bước 3: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hết thời hạn tham gia ý kiến,

+ Trường hợp xét thấy phương án thanh lý tài sản chứng minh được khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận nguyên tắc giải thể, trong đó có nội dung chấp thuận phương án thanh lý tài sản, yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập Hội đồng thanh lý, tiến hành thanh lý tài sản theo phương án thanh lý tài sản đã được chấp thuận; Ngân hàng Nhà nước thành lập Tổ giám sát thanh lý; hoặc

+ Trường hợp xét thấy phương án thanh lý tài sản không chứng minh được khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác, Ngân hàng Nhà nước có văn bản từ chối chấp thuận giải thể, trong đó nêu rõ lý do; hoặc

+ Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài báo cáo, giải trình các nội dung có liên quan.

Bước 4: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có báo cáo, giải trình gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh theo thẩm quyền.

Bước 5: Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo, giải trình của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận nguyên tắc giải thể hoặc có văn bản từ chối chấp thuận giải thể.

Bước 6: Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập Hội đồng thanh lý trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày văn bản chấp thuận nguyên tắc giải thể có hiệu lực thi hành và tiến hành thanh lý tài sản theo quy định.

Bước 7: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày chấm dứt thanh lý, Hội đồng thanh lý có văn bản báo cáo kết quả thanh lý và đề nghị chấm dứt thanh lý (bao gồm cả đề nghị chấm dứt thanh lý để thực hiện các thủ tục phá sản theo quy định của pháp luật) gửi Tổ giám sát thanh lý, Ủy ban nhân dân, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh theo thẩm quyền;

Bước 8: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Hội đồng thanh lý, Tổ giám sát thanh lý có văn bản báo cáo kết quả thanh lý và đề nghị chấm dứt thanh lý (bao gồm cả đề nghị chấm dứt thanh lý để thực hiện các thủ tục phá sản theo quy định của pháp luật) gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh theo thẩm quyền;

Trong quá trình giám sát thanh lý tài sản, nếu phát hiện tổ chức tín dụng không có khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác, Tổ giám sát thanh lý có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước kết quả thanh lý và đề nghị chấm dứt thanh lý để thực hiện các thủ tục phá sản theo quy định của pháp luật đối với các trường hợp tổ chức tín dụng không có khả năng thanh toán hết nợ.

Bước 9: Trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Tổ giám sát thanh lý, Ngân hàng Nhà nước có quyết định chấm dứt thanh lý và quyết định thu hồi Giấy phép hoặc có quyết định chấm dứt thanh lý tổ chức tín dụng để thực hiện các thủ tục phá sản hoặc có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài báo cáo, giải trình các vấn đề cần làm rõ liên quan đến quá trình thanh lý tài sản (nếu có).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có báo cáo, giải trình gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh theo thẩm quyền;

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo, giải trình của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định chấm dứt thanh lý và quyết định thu hồi Giấy phép hoặc quyết định chấm dứt thanh lý tổ chức tín dụng để thực hiện các thủ tục phá sản.

- Cách thức thực hiện:

- + Trụ sở chính Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa) hoặc Ngân hàng Nhà nước Khu vực (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa);
- + Dịch vụ bưu chính.

- Thành phần hồ sơ:

- a) Văn bản đề nghị giải thể;
- b) Phương án thanh lý tài sản đã được cấp có thẩm quyền quyết định thông qua, bao gồm tối thiểu các nội dung sau đây:

(i) Tên, địa chỉ, trang thông tin điện tử của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

(ii) Tên, địa chỉ, trang thông tin điện tử của ngân hàng mẹ (đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài);

(iii) Tên, địa chỉ và số điện thoại liên lạc của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc);

(iv) Danh sách thành viên Hội đồng thanh lý (tên, địa chỉ, số điện thoại liên lạc);

(v) Tóm tắt tình hình tài chính và hoạt động (giá trị thực vốn điều lệ, vốn được cấp; nợ xấu; tình hình công nợ, các khoản phải thu, phải trả bao gồm nội bảng và ngoại bảng) đến thời điểm tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đề nghị giải thể; trong đó xác định rõ khả năng thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác;

(vi) Lý do đề nghị giải thể tự nguyện;

(vii) Danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, thành viên góp vốn;

(viii) Kế hoạch, biện pháp xử lý quyền lợi và nghĩa vụ, trong đó nêu rõ lộ trình thanh lý tài sản, phương án phân chia tài sản. Đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải nêu rõ kế hoạch chuyển vốn, lợi nhuận và tài sản ra nước ngoài;

(ix) Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan đến quá trình thanh lý tài sản, giải thể, thu hồi Giấy phép;

(x) Kiến nghị, đề xuất (nếu có).

c) Văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định thông qua việc giải thể, phương án thanh lý tài sản. Trường hợp chi nhánh ngân hàng nước ngoài đề nghị giải thể theo yêu cầu của ngân hàng mẹ, hồ sơ phải có văn bản của ngân hàng mẹ về việc giải thể, chấm dứt hoạt động chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

d) Báo cáo kết quả thẩm định giá tài sản, xác định giá trị vốn chủ sở hữu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

đ) Báo cáo tài chính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài năm liền kề trước năm đề nghị giải thể được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật và báo cáo tài chính quý gần nhất trước thời điểm đề nghị giải thể. Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị giải thể chưa có báo cáo tài chính năm được kiểm toán, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán độc lập phát hành báo cáo kiểm toán.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- Thời hạn giải quyết: 70 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị chấm dứt thanh lý của Tổ giám sát thanh lý.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng thương mại; ngân hàng hợp tác xã; tổ chức tín dụng phi ngân hàng; tổ chức tài chính vi mô, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng), Ngân hàng Nhà nước Khu vực.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định thu hồi Giấy phép

- **Lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

- **Yêu cầu, điều kiện:** Không.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15.

+ Thông tư số 63/2024/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, thủ tục thu hồi Giấy phép và thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; hồ sơ, thủ tục thu hồi Giấy phép văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng.

+ *Thông tư số 48/2025/TT-NHNN ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Thông tư trong lĩnh vực quản lý, giám sát ngân hàng liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, thay đổi cơ cấu, tổ chức bộ máy.*

C. Thủ tục hành chính thực hiện tại Ngân hàng Nhà nước Khu vực

1. Thủ tục thu hồi Giấy phép của văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng (Mã TTHC: 1.001911)

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Văn phòng đại diện nước ngoài lập 01 bộ hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước Khu vực.

+ Bước 2: Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước Khu vực: (i) Có quyết định thu hồi Giấy phép, yêu cầu văn phòng đại diện nước ngoài tiến hành thanh lý hợp đồng thuê trụ sở và thanh toán các nghĩa vụ, khoản nợ khác (nếu có) với các cá nhân, tổ chức có liên quan, tiến hành các thủ tục chấm dứt hoạt động, đóng cửa văn phòng đại diện, hoàn trả Giấy đăng ký hoạt động, nộp con dấu theo quy định của pháp luật; hoặc (ii) Có văn bản yêu cầu văn phòng đại diện nước ngoài báo cáo, giải trình các nội dung có liên quan (nếu có);

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày văn bản yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước Khu vực, văn phòng đại diện nước ngoài gửi Ngân hàng Nhà nước Khu vực báo cáo, giải trình;

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo, giải trình của văn phòng đại diện nước ngoài, Ngân hàng Nhà nước Khu vực có quyết định thu hồi Giấy phép, yêu cầu văn phòng đại diện nước ngoài tiến hành thanh lý hợp đồng thuê trụ sở và thanh toán các nghĩa vụ, khoản nợ khác (nếu có) với các cá nhân, tổ chức có liên quan, tiến hành các thủ tục chấm dứt hoạt động, đóng cửa văn phòng đại diện nước ngoài, hoàn trả Giấy đăng ký hoạt động, nộp con dấu theo quy định của pháp luật.

- Cách thức thực hiện:

+ Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước (nếu có);

+ Trụ sở chính Ngân hàng Nhà nước Khu vực (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa);

+ Dịch vụ bưu chính.

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị chấm dứt hoạt động, trong đó nêu rõ lý do đề nghị chấm dứt hoạt động, thu hồi Giấy phép của văn phòng đại diện nước ngoài, việc lưu trữ hồ sơ, tài liệu sau khi thu hồi Giấy phép, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan đến quá trình chấm dứt hoạt động, thu hồi Giấy phép;

+ Văn bản của cấp có thẩm quyền quyết định thông qua việc chấm dứt hoạt động của văn phòng đại diện nước ngoài.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- Thời hạn giải quyết: 25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng thương mại; ngân hàng hợp tác xã; tổ chức tín dụng phi ngân hàng; tổ chức tài chính vi mô, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Khu vực.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị gia hạn thời hạn thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

- **Lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

- **Yêu cầu, điều kiện:** Không.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

+ Thông tư số 63/2024/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, thủ tục thu hồi Giấy phép và thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; hồ sơ, thủ tục thu hồi Giấy phép văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng.

+ Thông tư số 24/2025/TT-NHNN ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 63/2024/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2024 quy định về hồ sơ, thủ tục thu hồi Giấy phép và thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; hồ sơ, thủ tục thu hồi Giấy phép văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng.

+ *Thông tư số 48/2025/TT-NHNN ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Thông tư trong lĩnh vực quản lý, giám sát ngân hàng liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, thay đổi cơ cấu, tổ chức bộ máy.*